SỐ 2 THÁNG AOUT 1941

3

THANH-NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

TRONG SỐ NÀY :

— Quan hệ đời công và đời tư của những người có trách nhiệm trong xã hội. của PHAN-QUÂN

— Cải lương hương chính. của TÂN-PHONG

— Tính cách văn chương Việt Nam trước thời kỳ âu hóa. của ĐINH-GIA-TRINH

— Nam-dương quần-đảo, của Đ. X. S.

— Đọc cuốn Đại-Nam văn-học lịch-sử. của DIỆU-ANH

— Xã hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ 17. của THIỆN-CHÂN

— Máy chạy khí thạn. của NGỤY NHƯ KONTUM

— Giáo dục thanh-niên và nền sơ học ở nước ngoài. của VŨ-ĐÌNH-HÒE

— Người Bắc ở Nam-kỳ. của T. K.

— Về chuyện một chiếc va-lỵ. của NGUYỄN-TUÂN

— Trại thanh niên Bằng-trì. của PHAN-QUÂN

— Đọc qua báo chí trong ngoài. của DUY-TÂM

— Thế giới trong tháng vừa qua. của V. K.

— Đứa con *tiểu thuyết dài*. của ĐỖ ĐỨC THỨ

TÒA BÁO : 65bis Bd ROLLANDES HANOI. TEL. 1604. GIÁ : 0$20

THANH - NGHỊ tuần báo

DO MỘT NHÓM THANH-NIÊN CHỦ-TRƯƠNG

CÓ HAI PHẦN :

A. — Phần nghị-luận, khảo-cứu và văn-chương

Mỗi tháng ra một số vào ngày 5

B. — Phần Trẻ Em

(Nhi-đồng giáo-dục) — Mỗi tháng ra ba số vào ngày 5, 15, 25.

SỐ ĐẦU ĐÃ RA NGÀY : 15 MAI 1941

Ngoài những truyện, bài đăng tiếp, mục về thời-sự, báo chí và thể-thao.

THANH NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, KHẢO-CỨU, VĂN-CHƯƠNG

SỐ ĐẦU THÁNG SEPTEMBRE 1941 SẼ ĐĂNG :

— **Anh em thanh-niên ! — Nay đến lúc ta phải nhận về làm việc làng !** của Vũ đình Hòe
— **Những vấn-đề về thôn quê** của Tân Phong, Phan Quân và Duy Tâm
— **Nhân-chính và pháp-chính** của Phan Quân
— **Thanh-niên ta cần có một nền thể-dục tập-quán** của Ngụy-Như Kontum
— **Cấm họ trước pháp-luật** của D. X .S.
— **Sự kinh-doanh của khách-trú tại Nam-kỳ** của T. K.

65bis, BOULEVARD ROLLANDES — HANOI

CUỘC THI

THƠ — BÀI HÁT VÀ CHUYỆN NGẮN

do Hội « Truyền Bá Học Quốc-Ngữ » tổ chức

MỤC ĐÍCH

Cuộc thi này cốt để cho học trò của Hội, sau khi biết đọc và biết viết, có những bài hát hay mà hát, những bài thơ và những chuyện bổ ích mà đọc. Cũng có mục đích làm cho nhiều người biết đến và hiểu rõ công việc của Hội. Cuộc thi mở cho tất cả mọi người, ai dự cũng được.

ĐIỀU LỆ

a) — Về bài hát

Dùng những điệu dễ hát, vui vẻ, mạnh mẽ đã có sẵn (như những điệu hát Hướng-Đạo).

Có thể đặt ấy điệu mới. cũng theo như điều kiện trên. Nếu là điệu, nên có bản nhạc kèm theo.

Cũng có thể dùng nh thể thơ cũ của ta như: Phong dao, Lục bát, Tứ tự.

b) — Về thơ

Dùng những lối thơ thông thường của ta: Ngũ ngôn, Thất ngôn, Tràng thiên.

Những bài theo thể ngũ ngôn và thất ngôn không dài quá bốn bài (mỗi bài tám câu).

Những bài theo thể tràng thiên không dài quá năm mươi câu.

Có thể kể những chuyện cổ tích hoặc sử ký hay và có ý nghĩa.

c) — Về chuyện ngắn

(Xem đoạn « các bài dự thi »)

Không dài quá mười trang giấy học trò.

PHẦN THƯỞNG

Hội lập ba giải thưởng cho ba loại. Mỗi giải thưởng chia làm năm phần :

Phần thưởng thứ nhất : Một thứ đồ vật đáng giá 30p.00
Phần thưởng thứ nhì : Một thứ đồ vật đáng giá 20p.00
Phần thưởng thứ ba : Một thứ đồ vật đáng giá 15p.00
Phần thưởng thứ tư : Một thứ đồ vật đáng giá 10p.00
Phần thưởng thứ năm : Một thứ đồ vật đáng giá 5p.00

Những giải thưởng này sẽ do các nhà hảo tâm tặng và sẽ công bố lên báo sau.

KẾT QUẢ CUỘC THI

Hai tháng sau khi hết hạn nộp bài dự thi sẽ tuyên bố kết quả. Ngày tuyên bố dự định vào 1er janvier 1942, trong một buổi họp mặt thân mật.

Hạn nộp bài dự thi đến ngày 31 Octobre 1941 hồi 18 giờ là hết.

Bài dự thi xin gửi về địa chỉ : **Hội Truyền Bá Học Quốc-Ngữ 59 Phố Hàng Quạt — Hanoi.**

Nhớ đề ngoài phong bì : «Cuộc thi văn chương Hội T.B.H.Q.N.»

Hội T. B. H. Q. N lại cẩn

QUAN HỆ DỜI CÔNG VỚI DỜI TƯ
của những người có trách-nhiệm trong xã-hội

của PHAN-QUÂN

Ở nước ta từ ngày Âu hóa, người ta thường phân-biệt đời công với đời tư. Sự phân-biệt ấy đã trở nên một cái thành-kiến vững vàng ăn sâu vào nền tảng xã-hội hiện-thời, khiến nhiều người thừa-nhận như là một lẽ dĩ-nhiên, không hề tự hỏi sự phân-biệt ấy có đích-đáng hay không.

Xét qua lịch-sử Á, Âu, thì cái thành-kiến ấy không có căn cứ gì chắc-chắn.

Theo luân-lý Á-đông ta, lấy chữ « tu thân » làm gốc, thì cố nhiên đời tư chiếm một địa-vị rất quan-trọng: đời tư đã xấu, thì đời công cũng chẳng hay gì. Giở sách Khổng Mạnh, ta thấy nhiều châm-ngôn biểu-lộ quan-niệm ấy, Đại-Học có câu « Hiếu giả sở dĩ sự quân dã. Đễ giả sở dĩ sự trưởng dã. Từ giả sở dĩ sự chúng dã ». Đại ý nói rằng nếu trong đời tư là một người con hiếu, người em để, người cha từ, thì ra đời công cũng là một người tôi trung với vua, trọng kỷ luật đối với người trên, và biết dùng kẻ dưới. Luận-Ngữ cũng có câu: « kỳ vi nhân dã hiếu đễ, nhi hiếu phạm thượng giả tiểu hỉ, bất hiếu phạm thượng nhi hiếu tác loạn giả, vị chi hiếu dã ». Ý cũng tương đương như trên.

Cái quan-niệm công tư mật-thiết ấy đã đưa cha ông ta tới một nền luân-lý nghiêm khắc cho những người có ít nhiều trách-nhiệm trong xã-hội.

Một vị quan thanh liêm và mẫn-cán chưa đủ làm cha mẹ dân nếu không có một đời tư trong-sạch; Một ông thầy hay chữ chưa đủ tư cách làm thầy nếu đời tư hắc ám.

Những người cầm đầu xã-hội hầu hết phải là những khuôn mẫu hoàn-toàn, có tài lại có đức, mà người dưới tuân-theo, không phải chỉ diện-phục mà còn tâm-phục.

Đế Thuấn nỗi danh vì chữ hiếu, vua Lê-Lợi, về chữ đễ, Lý-Nhân-tôn về chữ từ, Trần-Hưng-Đạo với Quan-vân-Trường đề cho hậu-thế gương tiết nghĩa.

Quan-niệm « công tư mật thiết » không phải chỉ là một điều răn thường trong vòng luân lý. Nó lại còn là một điều-lệ mà pháp-luật đã chuẩn y. Bởi thế nên hình-luật ta xưa trừng-phạt rất nặng những công-chức có lỗi trong đời tư.

Nhưng không sự trừng-phạt nào có hiệu-quả bằng nhời phê-bình của dư-luận: nhờ cái dư-luận nghiêm khắc chính đáng ấy nên những người có trách-nhiệm trong xã-hội rất thận-trọng về đời tư: mà vì đó mới có quan-niệm coi « quan như cha mẹ » và thầy « hơn cha mẹ ».

Dư-luận đối với đời tư ở bên Thái-Tây có lẽ không nghiêm-khắc bằng bên Á-đông. Nhưng ngó qua lịch-sử và phong-tục nước Pháp ta nhận rằng những lúc xã-hội qua những cơn giông-tố, nhân-tâm hoang-mang, thì những người đứng mũi chịu sào phải là người có một đời tư băng-ngọc.

Vua Henri III ở buổi Tôn-giáo chiến-tranh Ông Robespierre ở hồi Pháp-quốc đại Cách-mệnh, cho đến Thống-chế Pétain bây giờ là những bậc có tài lại có đức.

Mà chính trong lúc bình-thời, cách kén trọn công-chức cũng có một phần dựa vào đời tư: ngoài bằng-cấp người ứng-cử vào công sở phải có giấy hạnh-kiểm tốt (Certificat de bonnes vie et moeurs).

Nhưng tiếc thay sự phê-bình hạnh-kiểm ấy không có một quy-mực rõ-ràng, cho nên biết bao người đời tư rõ ràng là xấu mà giấy hạnh-kiểm vẫn cho là tốt.

Chỉ có một cách có hiệu quả, là gây một nền dư-luận rất nghiêm-khắc đối với đời tư, dư-luận ấy mà thành thì luật-pháp cũng phải cương-quyết vì luật-pháp chỉ là cái phản-ảnh của phong-tục. Nhưng cũng có người nói: nếu cái dư-luận ấy mà gây nên thì có nhiều nhân tài bỏ phí! Cái đó có thể sảy ra được. Nhưng ta nên nhớ rằng không liều thuốc chữa bệnh nào mà lại hoàn-toàn là bổ, vậy liều thuốc chữa bệnh xã-hội cũng thế: muốn khỏi bệnh có k

phải nhịn cơm, muốn đến lợi to tất phải cả-quyết mà bỏ lợi nhỏ.

Huống-chi một người có tài gánh vác đời công mà đời tư hắc-ám, thì chung-quy, đời công của họ có chắc sẽ là bổ ích cho xã-hội không? Khi đối với cha mẹ, anh em, vợ con, bè bạn mà không tốt, liệu đối với quốc-gia xã-hội có chắc thật tốt không? Lòng người chỉ là một, người ta không thể ngăn làm hai, một ngăn công một ngăn tư, những nhà tâm-lý học cổ kim đã giả lời câu đó. Khổng-Phu-Tử có nói : « tư kỳ sở hậu giả bạc nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hiếu dã » (đối với người thân mà không tốt thì đối với người sơ không thể tốt được). Ông Paul Bourget nhà viết tâm lý tiểu-thuyết có tiếng, cũng đã kết án bọn đời tư xấu mà muốn làm việc công hay trong quyển « le démon de Midi ».

Mà, thật ra, ta không cần viện đến những chứng-tá cao xa đó, ta cứ tự-vấn lương tâm ta là đủ.

KIEM DUYỆT BỎ

. . . . . *Suy xét người hay giở, ta sẽ không thể phân biệt công tư. Những người gánh vác việc công phải có đời tư trong sạch.*

PHAN QUÂN

HỘP THƯ

Các ông *N. Đ. (Hà-nội), Ph. v. X. (Saigon), N. Đ. N. (Hà-nội), L. K. (Hải-phòng), D. T. (Nam-định).*

— Rất cảm-động về nhời khuyến-khích của các bạn. Đã biên-nhận những chỗ khuyết-điểm cần phải sửa đổi. Xin các bạn nhớ Th. N. là một tờ báo, chứ không phải một quyển tạp-chí nên không thể đăng những bài dài quá và « tường tận tới những chỗ tỉ-mỉ » được.

Ô. T. T. (Hà-nội). Xin lỗi không thể chiều ý ông được. Báo Th. N. sẽ bận đến những vấn đề quan hệ đến cuộc sinh-tồn của quốc-dân, tuy rằng lúc đầu một số độc-giả quen với thứ văn-chương dễ dàng thấy những bài ấy không « vui như tiểu-thuyết tình ».

Bà Đ. T. N. (Thanh-hóa). Xin cảm ơn bà Th. N. vẫn coi vấn-đề phụ-nữ là vấn đề quan trọng, xin cứ gửi bài, nếu có thể sẽ đăng.

Ô. B. V. Q. (Huế). Th. N. không là cơ quan riêng của đảng phái nào cả. Bạn cứ yên tâm. Nó là cơ-quan của bạn cũng như là của tất cả thanh-niên Việt-Nam.

Bạn N, tâm Hà (Hà-nội): Ông A. France chưa đỗ tú-tài ! Thế mà ông ta là một nhà văn cự-phách ! Ông ta có học cao gì đâu, bạn bảo thế. Chao ôi ! Ông A. France thông sử ký và văn chương cổ điển bằng mấy mươi ông Khoa bảng kia ! Cái học của ông ta cao rộng lắm. Bạn đừng lầm đỗ cao với học rộng. Ông A. France ít học ! Bạn muốn riễu chơi đấy chứ ?

Bạn D. (Hà-nội): Chúng tôi sẽ gắng sức làm vừa lòng bạn dành một trang trong báo Thanh Nghị cho những bàn luận của phụ-nữ trí-thức.

Giá mua báo dài hạn

	3 tháng	6 tháng	12 tháng
Phần A *(0,20 một số)*		1$10	2$10
Phần B *(TRẺ EM)* *(0,12 một số)*	1$00	2$00	3$90
CẢ HAI PHẦN	1$50	3$00	5$80

Thông hiểu sự vật và tư tưởng...

Vì chật chỗ, nên bài: CẦM HỌ TRƯỚC PHÁP LUẬT để lại kỳ sau.

Thống-chế Pétain đã nói :

« Cần phải có uy quyền để bảo vệ sự tự-do của Quốc Gia nó bảo đảm cho sự tự-do của cá nhân trước những cuộc liên kết của các nhóm tư lợi. Một khi mà Chính Phủ, do dân cất cầm quyền chính, thành ra tu nhân của những cuộc kết liên kia, thì dân dầu có quyền bầu cử cũng chẳng còn là một dân tộc tự-do nữa. »

VIỆC CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-CHÍNH Ở BẮC-KỲ

của TÂN-PHONG

TRỪ một số rất ít người thường sống ở vài thành phố lớn, còn toàn thể dân xứ này sống ở nhà quê chia ra hơn vạn làng rải rác khắp miền suôi và mạn ngược. Mươi năm nay, cuộc Âu hóa rất mạnh đã thay đổi nhiều tư tưởng và cách sống ở các thành phố, nhưng dân quê tiến rất chậm. Họ vẫn sống với những dị đoan mê tín, tục lệ hủ bại từ bao nhiêu đời xưa truyền lại ; tới nay vẫn chưa có một sức mạnh nào làm cho họ bỏ những tập-quán tệ hại và những sự nhũng lạm hình như đã ăn sâu vào tất cả những chế độ, bất kỳ hay hay dở, còn lưu lại ở đây.

Chúng tôi tin rằng sự cải cách huy hoàng đến đâu cũng chỉ có rất ít giá trị, nếu nó không có kết quả làm thay đổi lại cuộc sống của dân quê.

Vì nhẽ đó nên chúng tôi sẵn có cảm tình với tất cả những cuộc cải cách có liên lạc đến dân quê, là những cuộc cải cách quan hệ đến nền gốc dân xứ này.

Đạo dụ ngày 23 Mai 1941 thay đổi lại việc cai trị các làng Bắc kỳ có thể có ảnh hưởng to, nếu các nhà đương chức thi hành triệt để những nguyên tắc mới ấn định ; tìm được những phần tử trẻ hoạt động và trong sạch để trông nom công việc các hội đồng hàng xã.

Cuộc thay đổi do đạo dụ mới gây ra có hai đặc điểm :

1·) Quyền hành trong mỗi làng sẽ tập trung trong tay một hội đồng kỳ hào có ít người ;

2·) Viên « tiên chỉ », chánh hội đồng và các hội viên đều do luật pháp và tục lệ làng định sẵn : sự bầu cử từ nay bỏ hẳn.

Quyền hành của hội đồng kỳ hào

Từ trước tới nay theo quy-lệ nhà nước thì mọi việc trong làng đều do hương hội và lý trưởng quyết định dưới quyền kiểm soát của quan địa phương. Thật ra thì tại hầu khắp các làng muốn tránh những điều dị nghị của dân chúng, các lý dịch thường phải theo ý từ viên « tiên chỉ » được kính nể trong dân, nhưng thật ra không có liên lạc gì đến hương hội cho tới những tên giai bướng bỉnh thường kéo bè kéo đảng để gây những cuộc sô sát trong hương-thôn.

Uy quyền trong làng chia ra năm mười mối, mỗi khi có việc gì, nếu không có lệnh quan trên hay có sự dọa nạt của một người có quyền thế thì khó lòng làm song được

Về phương diện này, đạo dụ 23 Mai 1941 đã giải quyết một cách mạnh bạo : từ nay công việc trong làng đều do hội đồng kỳ bào quyết định cả. Hội đồng có toàn quyền về cai trị, có thể đặt khoán lệ, định số chi thu, bổ thuế nhà nước, đình thuế hàng xã, tổ chức việc tuần phòng, và vệ sinh chung.

Riêng viên tiên chỉ lại có quyền quản lý các công điền, công thổ, trừng trị những điều trái với lệ làng và đứng giàn sếp những việc sích mích nhỏ trong dân.

Muốn cho uỷ quyền hội đồng kỳ hào được tăng thêm, từ nay hầu khắp lý dịch (phó lý, thủ quỹ, chưởng bạ, thư ký, hộ lại, trương tuần) đều do hội đồng đề cử để quan tỉnh bổ, còn như lý trưởng thì sẽ là người phó lý làm lâu năm nhất lên thế chân.

Chúng tôi rất tán thành nguyên tắc sự cải cách này vì trình độ dân chúng hiện nay còn thấp kém vô cùng, cần phải tập trung quyền hành, tập trung trách nhiệm vào tay một thiểu số người đứng đắn, một cơ quan chắc chắn thì mới mong làm được những công cuộc có ích chung.

Nhưng

KIỂM DUYỆT BỎ 13 GIÒNG

Nếu ta mở rộng quyền cho các cơ quan hàng xã thì cũng cần phải mở rộng lối cho dân được khiếu nại, ví dụ có thể để cho họ có quyền phản kháng những nghị định của hội đồng kỳ hào mà không cần phải buộc tội một cá nhân trong hội đồng, hoặc có thể định rằng trong vài việc quan trọng (như bổ thuế, định hương-ước, tiêu một số tiền to vân vân) hội đồng phải yết trước những điều dự định, để nếu không bằng lòng thì dân đình có thì giờ xin quan trên thẩm sát lại.

Như thế không phải là ngăn cản sự hành động của hương hội vì lối khiếu nại kia chỉ cốt để tránh những sự nhũng lạm thường dễ giấu sau san các lũy tre xanh mà thôi.

Những tiểu-tiết ấy sẽ không có ích gì, nếu những người trong hội-đồng kỳ-hào đều là những người quan-tâm đến ích chung. Nhưng ở thôn quê nước Nam, cũng như ở thôn quê các nơi khác, ta khó lòng làm mất được sự chia bè kéo đảng và khó lòng thấy vắng những tay « cường-hào » chỉ đợi dịp để hoành hành.

Nhân viên hội-đồng kỳ-hào

Theo nghị-định năm 1921 và năm 1925 vẫn thi hành tới bây giờ thì các nhân viên trong hương-hội đều do dân cử. Ai cũng biết rằng sự bầu cử ở thôn quê chỉ là một việc mua bán xấu xa : người ta định giá từng vé phiếu như một thứ hàng lậu

Những người được bầu thường chỉ là những tay có nhiều vây cánh và nhất là những nhà chọc phú dùng tiền để mua chút « danh vọng » trong làng sóm. Còn những phần-tử hoạt-động, trong sạch, kiến thức và công tâm thì không thèm đoái hoài gì đến việc dân. Một vài người trong bọn họ đành chỉ lấy cái danh « tiên chỉ », « thứ chỉ » mà chẳng có quyền hành gì, còn phần đông thì sống riêng ra ngoài công việc dân làng.

Dự mới bỏ hẳn việc bầu cử — điều mà tôi chắc ai cũng tán thành — và đem quyền cai-trị giao cho những người có kinh-nghiện, có học thức vẫn được dân kính nể. Từ nay hội-cồng kỳ-hào chỉ có những người quá 25 tuổi, có danh tiếng tốt và có thêm một trong những điều-kiện sau này: 1.) theo nho học thì ít nhất là khóa-sinh, theo tây học thì ít nhất là có bằng cơ-thủy (Certificat d'études primaires); 2.) có chân ấm-sinh, ấm-thụ hay là cửu phẩm-hàm; 3.) làm quan hay viên chức ngạch cao-đẳng hay trung đẳng đương tại chức, đã về hưu hay đã xin cáo; 4.) có phẩm trật trong quân đội, hoặc trong hàng lính khố xanh và lính cơ; 5.) đã từng làm chánh phó tổng, lý phó trưởng, chánh phó hương hội ít ra là được ba nam; 6.) tiên chỉ thứ chỉ cũ.

Đọc bản kê đó ta thấy ý nhà làm luật muốn có những người *mới* để ý đến việc dân làng và muốn gác bỏ ra ngoài những kỳ-lão chỉ biết bám theo dấu xe cũ và những kỳ-hào ngu-dốt chỉ giỏi kết bè kết đảng.

Nay ta hãy xét qua về sự sếp đặt trong hội-đồng mới và về toàn thể nhân-viên hội-đồng.

Về việc sếp đặt ở trong, dự chỉ kể một bản những người được dự vào hội-đồng, còn không định rõ dữa những người đó. Về chỗ này, nhà làm luật để cho tục lệ từng làng quyết định. Tục lệ ấy, xem ở đâu? Từ năm 1932-1933 mỗi làng đã bắt buộc phải thảo một quyển tục lệ (coutumier) đưa quan tỉnh duyệt-y, nhưng người ta chỉ có thể chắc một điều là tục lệ viết vào giấy không ăn nhập gì với sự thực cả và phần nhiều các làng vẫn gác bỏ nó ra một bên. Bọn kỳ-hào tại chức đương lợi dụng chỗ mập mờ ấy để định cứu vãn địa vị của mình, không muốn có người lạ dính vào việc dân và khám phá ra những điều những lạm họ đã làm; họ đương cầy cục để bầy những phần tử mà chính [illegible] nước muốn dẫn dụ về thôn quê; họ viện t[illegible] nghìn cớ (thiếu khao vọng, không trình bằng sắc nhà vua v. v.) để tự đặt mình lên trên những người có bằng cấp hay phẩm trật hơn họ.

KIỂM DUYỆT BỎ 11 GIÒNG

Còn như về toàn thể hội-đồng thì tôi nghiệm thấy trừ vài làng vẫn có tiếng là văn vật, còn phần nhiều mỗi làng chỉ có dăm ba người đủ điều kiện nhà nước đã định. Một làng hơn 400 xuất đinh chỉ có một người hiện làm thư-ký tòa Sứ ở một tỉnh xa, và hai người lý-trưởng và phó lý đã làm đủ ba năm; một làng ngót 200 xuất đinh, chỉ có một người bá hộ, một người chánh-hội cũ, vài người đỗ bằng cơ-thủy chưa đủ 25 tuổi, còn những ông tú, ông cử cũ thì đã chết cả. Tôi có thể kể nhiều thí dụ như thế nữa.

Vì ở xa, vì bận việc những phần tử mới từ chối không nhận. . . . . .

Ngoài ra tôi còn thấy tại nhiều nơi người trong hội đồng cùng về một họ, hay một chi. Vì trong nhiều làng thường chỉ có một họ là có con cháu học hành hay làm nên. Người ta bảo đó là vì đất, nhưng thật ra chỉ vì nền nếp sẵn có trong gia-đình khiến cho con trẻ sinh vào nơi đó sẽ dễ tiến thân hơn những đứa khác.

Nhà làm luật tin rằng những « chi » những « họ » đó sẽ biết nhẽ phải mà không bao giờ chỉ lạm dụng quyền để tính lợi riêng. Nhưng họ có đáng được tin cậy thế không?

KIỂM DUYỆT BỎ 16 GIÒNG

. . . . . Tôi đã thấy những người nhà quê lo xa nghĩ đến việc đó.

Cuộc cải cách hương chính mới nay đã bằng cứ vào những nguyên tắc mới, những người nghĩ ra đạo dụ 23 Mai đã có sáng kiến và nhất là đã có lòng quả quyết, dám bỏ hẳn những lề thói cũ mà những nhà làm luật trước kia, rút rát hơn, chỉ dám sửa chữa qua loa. Những người hẳng để ý đến đời sống của dân sẽ là những người đầu tiên tán thành sự mạnh bạo ấy. Nhưng chắc nhà làm luật cũng là người đầu tiên công nhận rằng một sự thay đổi to như thế không phải hoàn thành ngay một lúc được, có những chi-tiết cần phải sửa đổi dần, sau khi sự thực hành đã chỉ rõ đâu là chỗ khuyết điểm. Những điều trên đây là những điều kinh nghiệm đã lượm nhặt được trong hương thôn, chúng tôi mong nó sẽ giúp ích vào sự bổ chính mà chắc nhà cầm quyền cũng đã bắt đầu nghĩ đến rồi.

Tân Phong

Cải chính

Kỳ trước ở bài phê bình cuốn Việt-nam văn-phạm của Diệu-Anh, trang 10 giòng 41, thợ xếp chữ đã bỏ xót một đoạn câu. Vậy xin đọc là:

« Gr. ante p. 53 : cái rổ đầy những hoa: « Le panier est plein de toutes sortes de fleurs ». Tưởng nên dịch là: « Le panier est tout plein de fleurs » thì xát nghĩa hơn ».

TÍNH CÁCH VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM...

của ĐINH GIA-TRINH

II. — TÁC PHẨM

Một tình trạng qua lịch sử

Muốn giải nghĩa tính cách của một nền văn-chương ta cần phải xét đến sự sinh hoạt của dân tộc đã sản xuất ra nó, những ảnh hưởng thiên nhiên hoặc nhân tạo rất nhiều và phiền phức đã hướng dẫn sự sống và sự tiến hóa của đoàn thể. Nước Việt-Nam có một lịch sử đầy sự vất vả, nhiều mầu buồn. Người Trung-Hoa đã làm đè nặng chĩu lên vai dân tộc ta bao nhiêu thế-kỷ đô hộ tàn-nhẫn, trong đó những cái gì tốt đẹp của ta đều bị tàn héo cả. Ở những thời kỳ độc-lập về chính-trị, những kẻ cầm quyền trong nước ta lúc nào cũng phải để ý phòng giữ cuộc ngoại sâm, hoặc ở nẻo Trung-Hoa, hoặc ở nẻo Chiêm-Thành, Chân-lạp v. v.; về phương diện trí thức, người Việt-Nam vẫn phải nô lệ người Tầu, tuy có ở ngoài sự kiềm tỏa cai trị của họ. Nói đến sự độc lập về chính trị đối với người Tầu, ta nên để ý đến sự những bậc khai quốc anh hùng sau khi đuổi quân giặc ra ngoài bờ cõi rồi lên ngôi trị vì là phải nghĩ tới sự tiến cống và việc xin vua Tầu thừa nhận địa vị của mình. Vì lẽ nước Tầu to rộng ở cạnh nước Việt-Nam tuy có giá trị lớn về phẩm chất nhưng bé nhỏ, ít dân số quá. Những sức mạnh dù ô hợp nhưng nếu đông đúc đến tràn ngập thì cũng đáng gây chút lo ngại cho những lực lượng có tổ chức mà bé nhỏ. Những cuộc đụng chạm trong lịch sử ấy ảnh hưởng đối với văn chương không phải là nhỏ. Người Tầu đã đem tư tưởng, đem nghệ thuật của họ bắt ta theo, và trong khi ấy họ đem làm tiêu diệt những cái gì có thể là biểu hiệu cho tinh thần riêng của dân Việt-Nam. Nếu ở trong lịch sử nhân loại có một tội ác đen tối nhất đối với học thuật và văn minh, thì tội đó là tội của người Tầu khi họ đã đem vơ vét hết cả các tác phẩm quý báu về văn chương và khoa học của nước ta, trong thời họ đô hộ ta vào đầu thế kỷ thứ 15 (trước cuộc khởi nghĩa của Lê-Lợi). Ta mất những tác phẩm lớn của Trần quốc Tuấn, của các văn gia và vua chúa đời Lý, Trần, những ký sự, luận thuyết rất nhiều, một kho tài liệu cho nhà triết học, nhà sử học, cho nhà khảo cứu về văn hóa. Một lỗ trống lớn đã làm gián đoạn lịch-sử văn-học của nước ta. Những sự tàn hại bởi chiến tranh không làm cho ta đau đớn bằng sự mai một của một phần linh hồn quốc gia ấy.

Lịch sử ngôn ngữ, văn từ, lại chẳng lợi gì cho sự phát triển của văn-chương Việt-nam. Thủa xưa các nhà văn dùng chữ Hán để viết sách và để thi cử. Chữ nôm mãi tới thế kỷ thứ 10 mới đặt ra. Tới thế kỷ thứ 13 mới thực được dùng trong văn chương. Nhờ các giáo sĩ ngoại quốc, lối viết chữ nôm bất tiện đã được thay bởi lối viết dùng các chữ cái la-tinh (chữ quốc ngữ) giản dị và dễ học. Nghề in của Tây phương nhập vào xứ ta với lợi khí của chữ quốc ngữ đã khiến cho văn chương Việt-nam bước vào một thời kỳ bành trướng mới.

Nhưng dưới ảnh hưởng của Pháp học, nhiều thanh niên nhãng bỏ chữ Hán và chữ nôm, khiến cho ngày nay, một kho tài liệu bằng hán văn chưa được dịch ra quốc văn đành chịu ở trong bóng tối của một vài tủ sách gia đình, đợi thời gian để mai một đi. Giữa ta và thế hệ trước ta non một thế kỷ có một bức lũy ngăn sự thông hiểu lẫn nhau, thực là một điều đáng buồn.

Vậy văn chương của tổ tiên ta, muốn tới ta cần phải qua một sự phiên dịch, hoặc đòi ở ta một sự cố gắng lớn lao không phải trong dân chúng ai ai cũng đạt tới : học chữ Hán để có thể đọc được cổ văn trong nguyên bản. Nhưng nền văn chương của tổ tiên ta, khó đọc đối với một đa số dân ta hiện thời, nào có phải còn rồi rào và nguyên vẹn đâu ! Ta đã

...TRƯỚC THỜI KỲ ÂU-HÓA

nói tới tâm lý của nhà văn Việt Nam thời xưa. Sự sáng tác nghệ thuật kém phong phú, mãnh liệt, vì nó không được quan niệm là một mục đích tự túc bởi nó. Nghề in còn cổ sơ thường chỉ làm việc cho các bộ sử Tầu, các sách học cổ - điển. Sự truyền bá một tác phẩm văn chương trong công chúng bằng sách in, qua các hàng sách, các nhà xuất bản, có thể nói là chẳng có một chút hăng hái gì cả. Vì vậy ít có những chuyển vận lớn trong tư tưởng về nghệ thuật, những trường thơ (écoles de poésie), những cuộc phấn đấu triệt-để về thuyết-lý. Lịch-sử văn-chương ta im ả lạ thường, như một buổi chiều êm dịu của mùa thu. Mỗi văn-gia viết những tư tưởng, tính tình của mình, không để ý mấy đến nghệ thuật của người bên cạnh, mà cũng không ưa đem nghệ thuật của mình hiến làm khuôn mẫu cho mọi người, vì thực ra các nhà văn ấy cũng chẳng có ý tưởng gì quá khích về nghệ - thuật. Trên đường cũ vẫn chỉ có dấu xe cũ để rồi theo.

Những tác phẩm của các văn sĩ thường do con cháu bạn bè giữ, coi như những di vật quý báu, mà có khi, những con cháu bạn bè ấy lại không muốn rời bỏ những di sản đó cho người đời ! Sau những cuộc phong ba lớn của lịch sử, trong sự vất vả, đau thương, người ta không thiết đến văn chương nữa. Rồi những tác phẩm ấy mất mát đi, có khi bị hắt hủi bởi một ông con, cháu, giống như chàng giữ sách quý trong một tiểu thuyết của Anatole France, mà ông Bonnard đã đi tìm ở tận cuối nước Ý đại lợi ! Cách đây ít năm, ở nhiều xóm thôn quê, có những kẻ gánh bồ đi mua sách nho cũ. Tiếng rao mua của họ như tiếng than của một nền học thuật đang hấp hối : và kẻ tư lự theo rõi bóng họ trên đường đất có cảm giác thấy họ đem một chút tinh hoa của đất nước tới một mộ địa nào xa xôi. Trong những đám giấy cũ kia sao chả có thể lẫn vào một tác phẩm văn chương, hoặc ít nhất một vài tài liệu cho sử gia, cho nhà tư tưởng học ?

Với sự phá hoại còn có sự phá hoại của thiên nhiên nữa. Xứ ta khí hậu ẩm thấp, mà giấy bản để in khi xưa không thể giữ được bền bỉ, và chóng rách nát. Một người Pháp khảo về Việt Sử cũng đã có nhận như vậy.

Trước tình trạng đó, nhà phê bình, nhà văn học phải soay sở với những sự khó khăn. Ta có cảm giác thấy văn học sử của ta như một bầu giời thiếu ánh sáng rõ rệt trong đó điểm lóng lánh mấy ngôi sao đơn lẻ, rời rạc. Thêm vào những tình trạng đáng tiếc ấy còn có những sự thêm bớt đổi chữa vào nguyên bản, sự phân vân của cả một thế hệ về tác giả thực của một văn phẩm hoặc của một bài thơ ! Trong tiểu sử của các văn sĩ thì sự thực trộn lẫn với hoang đường, thiếu những cặn kẽ về hành vi, hoạt động của tác giả, nhiều những tích ly kỳ để cám dỗ trí tưởng tượng dễ dãi của dân chúng. Người ta nhớ rõ truyện Mạc đĩnh Chi ứng đối giỏi làm các chú Tàu phải khâm phục, Lê quý Đôn thuở nhỏ rạng chân đố chữ một quan Thượng hỏi thăm nhà, nhưng về đời tư sác thực của các danh sĩ ấy mà ta cần biết để hiểu tác phẩm của họ thì truyền lại sơ sài, thiếu thốn, mâu thuẫn từ người biên chép này qua người biên chép khác. Khiến ta không khỏi nghĩ tới sự tồn tại của các di tích về văn chương trong văn học Pháp : Còn tới bây giờ ngôi nhà, căn buồng trong đó nhà thi hào Hugo viết quyển Légende des Siècles ; cái buồng nhỏ của Rousseau lúc tuổi già mà một buổi kia nữ sĩ De Noailles đã tới thăm khi chiều buông xuống Chambéry !

Nếu ta sẵn lòng chỉ coi văn chương như một trò tiêu khiển cao quý, chỉ tìm ở văn chương ít giây phút êm dịu về tinh thần, để ngâm nga, để tìm một thú vui riêng tây, bên tạo hóa hoặc trong một văn phòng xinh nhỏ, thì những thiếu thốn, những khó khăn kể trên đây cũng không can hệ gì lắm. Nhưng nếu ta đem vào sự muốn hiểu biết văn chương một chút trí khảo xét khoa học, nếu ta muốn qua văn chương trông thấy bộ mặt thực của các thế kỷ đã khuất, thì nhiều lúc ta thấy bỡ ngỡ trong những bối rối mà căn nguyên thật là không phải ở nơi ta. Bất cứ một ai đã thành thực với mình cũng phải thú nhận điều đó. Cho nên trách nhiệm của một nhà văn học sử, hoặc một nhà phê bình văn chương Việt nam ở xứ ta là một trách nhiệm rất lớn lao ; công việc khó khăn của họ muốn có chút kết quả tốt phải cần đến sự cộng tác mật thiết của nhiều đức tính lớn dung hợp với nhau.

Ta ước mong rằng thời đại hiện kim có thể cho ta được gặp sự dung hợp quý báu ấy.

Kỳ sau :

Văn phẩm và nghệ thuật

của Đinh-gia-Trinh

NAM-DƯƠNG QUẦN-ĐẢO

của D. X. S.

KIỂM DUYỆT BỎ

Hiến pháp Nam-dương quần-đảo

Đọc qua lịch-sử thì Nam-dương quần-đảo về thế kỷ thứ 14, thuộc về đế-quốc Madjapahit. Về cuối thế kỷ thứ 16, Hà-Lan chiếm được.

Từ năm 160è đến 1800, chính-phủ Hà-Lan giao hết quyền cho một Công-ty khai khẩn quần-đảo. Công-ty có quyền cai trị, thu thuế và nuôi quân. Đến năm 1800, Công-ty vỡ nợ, nên chính-phủ mới cho quan chức sang cai trị. Ông Toàn-quyền đầu tiên Van den Boch đã để tên mình cho một chính sách chuyên chế, tàn khốc.

Nhưng đến thế kỷ thứ 20, nhờ ảnh hưởng trường đại-học Leyde và trước lòng công phẫn của dân chúng, chính-phủ Hà-Lan thay đổi chính sách. Đạo luật ngày 16-12-1916 lập ra NGHỊ VIỆN Volksraad có 49 người, trong số đó, 18 người bản xứ.

Trong 59 nghị viên, 20 người do chính-phủ cử, 29 người do các hội-đồng hàng tỉnh hoặc địa phương bầu.

Nghị-Viện lúc mới chỉ là một cơ quan tư vấn, chính-phủ bắt buộc phải hỏi ý kiến về một vấn đề quan trọng.

Đến năm 1925, nghị-viện được quyền lập-pháp (pouvoir législatif). Trước kia, quyền ấy vẫn do nghị-viện Hà-Lan vẫn giữ, nhưng vì xa xôi nên Hà-Lan nhường cho nghị-viện Volksraad quyền định đoạt về việc nội trị Nam-dương quần-đảo.

Luật do nghị-viện Volksraad làm và được quan Toàn-quyền chuẩn y, thi hành trong quần-đảo, trừ khi nào nghị-viện Hà-Lan lấy thượng quyền hủy bỏ.

Đồng thời, số nghị-viên và cách tuyển cử thay đổi. Từ 1925, nghị-viện có 60 người, trong số ấy có 25 người bản-xứ, Theo luật 15 mai 1931, số nghị-viên bản xứ lên tới 30 tức là một nửa viện. Hà-Lan hiện có 25 nghị-viên và người kiều-dân Á châu, 5 nghị-viên.

Trong số 60 nghị viên, 30 người do cử-tri bầu. Chính-phủ cử 22 người, trong số đó có ông Nghị-trưởng.

Nói qua về quyền cai trị. Quyền ấy thuộc về một ông Toàn-quyền do Nữ-vương Hà-Lan cử, cứ 5 năm một lần. Có một hội đồng chính-phủ giúp việc. Hội đồng có từ 5 đến 7 người, trong số đó, hai người bản xứ.

Ông Toàn-quyền với nghị-viện ngang hàng nhau, nếu xảy việc hai bên không đồng ý, thì bộ Thượng-thư bên La Haye phân xử.

Về các công chức, bắt đầu từ năm 1922, dân bản xứ có học được coi bình đẳng với người da trắng. Hiện thời, người bản xứ giữ nhiều địa vị quan trọng trong nước. Họ có rất nhiều võ quan trong các đội lục qdân, thủy quân và không quân.

KIỂM DUYỆT BỎ

CÁC TRẺ EM ĐỌC SÁCH

HOA-XUÂN

Còn một ít cuốn :

Số 16, **Lòng trẻ**	00$6
Số 19, **Ông bụt chùa vàng**	0, 06
Số 21, **Hàn thực**	0, 06
Số 22, **Cù không cười**	0, 06
Số 23, **Đứa bé bỏ rơi**	0, 06
Số 25, **Cái tranh**	0, 08
Số 27, **Có ngày mai**	0, 08
Số 28, **Cô bé gan dạ**	0, 08
Số 29, **Sọ dừa**	0, 08
Số 31, **Baden Powell**	0, 08
Số 32, **Yếu trẻ**	0, 08
Số 33, **Con mẻ**	0, 10

Các em mua năm báo THANH-NGHỊ TRẺ EM được trừ 10%. Xin đem giấy của nhà báo đến :

Sách Hoa-Xuân

14, Rue Blockhaus Nord – Hanoi

KIỂM DUYỆT BỎ HƠN MỘT TRANG

... Thu-nhặt tài-liệu để giúp vào sự giải-quyết những vấn-đề quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt của dân-tộc Việt-Nam...

SÁCH HỒNG

Không gì làm vui lòng và giúp ích các trẻ em bằng thưởng cho các trẻ em những cuốn « SÁCH HỒNG » xinh đẹp để đọc trong những ngày nghỉ hè.

Số 5	Quyển sách ước của Khái Hưng	0$10
Số 6	Hai chị em của Thiện Sĩ	0,10
Số 7	Lên cung trăng của Hoàng Đạo	0,10
Số 8	Con cóc tía của Khái Hưng	0,10
Số 9	Cái ấm đất của Khái Hưng	0,10
Số 10	Lan và Huệ của Hoàng Đạo	0,10
Số 11	Robinson I của Thế Lữ	0,10
Số 12	Hạt ngọc của Thạch Lam	0,10
Số 13	Robinson II Thế Lữ	0,10
Số 14	Lên chùa của Thiện Sĩ	0,10

SẮP CÓ BÁN :

Số 15	Con chim gì sừng của Hoàng Đạo	0,10
Số 16	Thế-giới tí hon của Khái Hưng	0,10
Số 17	Robinson III của Thế Lữ	0,10

ĐỜI NAY

80, ĐƯỜNG QUAN THÁNH — HANOI

Dầu

ĐẠI-QUANG

dùng trong lúc mùa hè nóng nực là rất hợp thời

Ngào ngạt, nhức đầu, xổ mũi, đau bụng, đi rửa, sốt nóng, sốt rét, đau tức, cùng là cảm mạo, sương hàn, nắng gió, chỉ nên dùng dầu ĐẠI-QUANG ngoài xoa trong uống là sẽ thấy công hiệu ngay.

Đại-Quang dược-phòng

23, Hàng Ngang. Hanoi

Giây nói : 805

Đang in :

NGUỒN SINH - LỰC

Quyển II trong bộ sách

« SỨC KHỎE MỚI »

của P. N. KHUÊ

Những phương pháp rất mầu nhiệm vì rất khoa-học để chiến-đấu với bệnh-tật, đau khổ, thất vọng, và để thành công trong cuộc sống xã-hội.

Giá : 0$45

Mua một quyển không bán lĩnh-hóa giao ngân, gửi thêm 0$20 cước.

HẢN-THUYÊN

XUẤT-BẢN-CỤC

71, Phố Tiên-Tsin. Hanoi

ĐỌC CUỐN ĐẠI-VIỆT VĂN-HỌC LỊCH-SỬ

của DIỆU-ANH

MỘT quyển sách khổ nhỏ 120 trang khiêm tốn nằm ở một vài hàng sách Hà-Nội! Một cuốn Việt-nam văn học sử! Tôi vẫn tưởng tượng khi một cuốn sách về loại ấy ra đời tất phải có nhiều sồn sao trước và sau nó mới phải vì lịch sử văn học của một nước, nào đâu phải một truyện nhỏ nhặt, mà tự xưa tới nay nước ta làm gì đã có một trước tác nào đáng gọi là văn học sử!

Tôi lần giở cuốn sách xinh xinh và đọc lời nói đầu của tác giả. Ông Nguyễn-sĩ-Đạo muốn giúp ích cho học thuật nước nhà nên đã soạn cuốn Đại-việt văn học lịch sử. Ông nhận rằng quyển sử của ông rất tóm tắt (nếu vậy ông nên đề tên sách là Đại-việt văn học lược sử thì hơn vì « lịch sử » là một chữ đồ sộ quá!); ông không phê bình văn chương, không chép kỹ lưỡng tiểu sử các danh gia « ngoài sự tìm cho biết rõ thời đại sinh tồn của từng tác giả ».

Đọc những định ý ấy tôi tự hỏi: Phải chăng tác giả viết văn học sử? Ta có quan niệm được một cuốn văn học sử không có một chút phê phán nào về nghệ thuật văn chương của các tác giả không? Ở Tây-Phương các sách văn học sử có hai loại chính: một loại khảo cứu tinh vi về sự hoạt động văn chương, về nghệ thuật của các nhà văn (ở Pháp các sách của Brunetière, của Lanson, của Paul Hazard v. v...); một loại làm để cho các thí sinh tiện dùng trong các kỳ thi nội dung tóm tắt hơn. Nhưng dù ở loại nào và dù sơ lược chăng nữa cũng không gác bỏ ra bên tiểu sử của các tác giả quan trọng và những phê phán về nghệ thuật trong các tác phẩm. Dù ở một cuốn sách bỏ túi dùng để « cứu trí nhớ » của các học sinh người ta cũng không đi tới độ sơ giản của nội dung cuốn sách của ông Nguyễn-sĩ-Đạo.

Tác giả viết: « Một cuốn sách khuôn khổ nhỏ hẹp như thế này thì không thể nào mô tả được đầy đủ cái lịch sử rất giài (!) của nền văn học nước ta ». Nhưng ai đã bắt tác-giả cho cuốn sách ấy một khuôn khổ nhỏ? Ông giả lời: để cho dễ phổ thông! Thực là một ý tưởng ngộ nghĩnh: người ta phổ thông một khoa học nào khi khoa học ấy đã được khảo cứu rất tinh vi cho các người chuyên khoa; có ai lại đem phổ thông một thứ học xưa nay chưa được khảo cứu kỹ lưỡng, chưa có những kiến thiết nào làm hài các nhà bác học cả. Một quyển sách phổ thông là để dọn chỗ cho những sách trình độ cao hơn đã có trong học giới. Khoa văn học sử ở nước ta đã có những kho tàng tư tưởng gì phong phú và cao siêu để làm cớ cho sự ra đời của một cuốn sách phổ thông?

Ông Nguyễn-sĩ-Đạo có dụng ý tốt khi cho xuất bản cuốn Đại-việt văn học lịch sử. Nhưng tôi thiết tưởng việc làm ấy chưa được hợp thời lắm. Ở nước ta, về văn từ, ngôn ngữ, về văn học sử, chưa có một nền nếp gì vững chãi cả. Đột nhiên ta thấy xuất hiện một cuốn văn phạm một cuốn tự vựng, một cuốn văn học sử! Rồi tác giả những cuốn ấy khiêm tốn nhận rằng chắc không tránh khỏi nhầm lẫn và thiếu thốn! Phương pháp làm việc hợp lẽ nhất là hợp tác các sự cố gắng của nhiều người trong một thời gian lâu giài, khảo sát tinh vi về những vấn đề nhỏ trước đã, rồi sau tổng hợp các kiến thiết nhỏ lại sẽ xây dựng lên những nền móng chắc chắn, một lâu đài hoàn toàn. Bất cứ một cuốn sách nhỏ nào về văn học sử của Pháp bây giờ cũng là sự kết tinh của những điều tìm tòi xuy nghĩ của nhiều thế kỷ và nhiều học giả. ở văn học, ta khảo cứu về [illegible] thế kỷ, một phong trào, một quan niệm mỹ thuật, một tác giả, một tác phẩm. Rồi sau này mới là lúc ta ra đời một cuốn Việt-Nam văn học sử hoàn toàn trong các bộ phận của nó.

Nhưng ta hãy gác bỏ những ý tưởng ấy ra bên. Tác giả đã viết một cuốn Đại-Việt văn-học sử, cuốn sách đã xuất bản. Ta hãy xét qua giá trị của nó.

Quyển văn-học sử tóm tắt của ông Nguyễn-sĩ-

Đạo chia ra làm 2 phần : phần thứ nhất là Văn-tự lược khảo *; phần thứ nhì là* Việt-văn lịch-sử. *Tác giả đã tả sự biến chuyển của tiếng nói và tiếng viết của nước ta qua lịch sử, rồi khảo xét sơ qua các thời đại văn chương (époques de la littérature), tác giả đã dùng một lối giải quyết giản dị ; những thời kỳ ấy ăn nhập với cái thời kỳ lịch sử chính trị. Cho nên tác giả « cứ lấy tên những thời đại lịch sử chính trị mà chép lịch sử văn học ». Chỉ một điều ấy cũng đủ là một chứng cớ của sự thiếu tài liệu của tác giả về lịch sử văn chương Việt-Nam rồi. Vì nếu hiểu biết rõ sự sinh hoạt tinh thần của các văn gia thì ta sẽ nhận thấy rằng một thời kỳ văn học có thể hắt đầu từ một cá nhân đặc biệt chứ không cần phải đi từ niên hiệu trị vì của một ông vua nào, hoặc một sự thắng trận lớn.*

Nhưng nếu ta coi tác phẩm của ông Nguyễn-sĩ-Đạo là một cuốn văn-học-sử tóm tắt và sơ lược thì ta phải nhận rằng sự bổ ích của nó chẳng phải là không có : trong sách đó ta thấy một vài cái « khung », một vài sự phân chia có lý, có thể dùng để hướng dẫn một vài người tìm tòi về văn học. Tác giả đã viết rất gọn ghẽ và minh bạch, không bao giờ lúng túng. Những tóm tắt lịch sử chính trị cũng vậy, tuy sơ lược nhưng khéo léo. Những việc và niên hiệu đều chú dẫn theo một phương pháp khoa học. Tiểu sử của một vài nhân vật cũng vậy, đều chép theo một lối giản dị và khách quan, gác bỏ ra bên các truyện hoang đường khó tin (truyện Thị Lộ và con rắn báo oán chả hạn). Đoạn nói về Chính sách nhà Minh ở nước ta đối với văn hóa Việt-Nam *có ít ý kiến rất xác đáng. Tác giả có nói qua đến cả những hoạt động khác với hoạt động văn chương như sự tổ chức về âm nhạc, về tư pháp (trang 64, 65 và tiếp). Những phê phán về bộ Luật Hồng-Đức (so sánh với bộ Luật Gia-Long) cũng khá xác thực. Nhưng tiếc một chút là tác giả trong đoạn bàn luận ấy vì muốn bênh vực « phái đẹp » (chữ của tác giả), quyền lợi của đàn bà mà luật Gia-Long khinh rẻ, đã nói nhiều quá đến nỗi quên rằng ông đang viết văn-học sử! Về văn chương hiện kim, sự nhận xét của ông rất đúng : tiểu thuyết và thi ca là hai môn được chăm chút hơn cả.*

Tôi nhận thấy ở tác giả quyển Đ. V. V. H. L. S. một tâm hồn sốt sắng và trẻ, Nhưng tác phẩm của ông đáng lẽ phải rồi rào về nội dung hơn chút nữa và viết theo một phương pháp mới mẻ hơn.

Chúng tôi mong đợi ở ông những công cuộc trước tác có giá trị ở tương lai.

DIỆU - ANH

Sách mới

Chúng tôi nhận được :

1·) ĐỜI CẠO GIẤY (Giao-Chi),

2·) HAI CHUYẾN TẦU của Nguyễn -khắc-Mẫn,

3·) BẠC TÌNH (liễu trai chí dị),

4·) MỘT NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM MỚI (Thai-Phỉ) của nhà xuất bản Đời Mới gửi tặng.

5·) ĐỜI NGHỆ SĨ (Lê văn Trương),

6·) TỘI VÀ THƯƠNG (Lạn-Khai) 7·) TẢN ĐÀ VẬN VĂN của nhà xuất bản Hương-Sơn gửi tặng.

8·) ĐẸP, QUÊ MẸ (Tr[illegible]h-Tịnh), MẤY VẦN THƠ (Thế-lữ). THẾ GIỚI TỶ [illegible] (Sách Hồng) (Khai Hưng) của nhà xuất bản Đời Nay gửi tặng.

9·) BÀI VIỆT NGỮ QUỐC BẢO (Vũ chu-Trinh) và các bản đàn : cùng dồn chân (Thẩm Oánh) và Tình hận (Antoine Đạm) cuốn t'ếng thơ (Huy-Quỳ) của các tác giả gửi tặng.

10·) TÀN ĐÈN DẦU LẠC (Nguyễn Tuân) của nhà xuất bản Mai-Lĩnh gửi tặng.

Xin thành thực cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới thiệu với các bạn đọc.

Này dầu uống này dầu xoa,
Nam-Cường cây cỏ nước nhà chế ra.
Của ta, ta bán cho ta,
Gánh vàng hà nhẽ đổ ra sông người.

Dầu Nam Cường bán tại các hiệu MAI LĨNH : HANOI : 21, Hàng Điếu ; HAIPHONG : 60-62, Cầu Đất.

SAIGON : 120, Rue G. Guynemer ; PHÚC-YÊN : phố Commerce và các hiệu bán dầu bán thuốc.

Cần thêm đại-lý nơi nào chưa có.

XÃ-HỘI VIỆT-NAM
TỪ THẾ-KỶ THỨ MƯỜI BẢY

của THIỆN-CHÂN

3

II.— CRISTOFORO BORRI

Cố Cristoforo Borri (1585-1632) là một cố đạo người Ý sang Trung-kỳ vào khoảng 1618-1621(?); đến 1623 thì qua Goa về Âu-châu.

Quyển Relation della nuova missione delli P.P. della Compagnia di Giesu, al regno della Cocincina, xuất bản ở Rome bằng tiếng Ý năm 1631 là quyển sách in đầu tiên của Âu-châu nói về Trung-kỳ, Sách có dịch ra tiếng Pháp (bản của cố Antoine de la Croix in ở Lille năm 1631), tiếng Hòa-lan, La-tinh, Đức, Anh. Tạp chí Revue Indochinoise, năm 1908, có đem đăng lại bản dịch của cố Antoine de la Croix. (Chúng tôi cũng dịch đăng theo bản này.)

Sách có hai phần. Phần trên nói về vị trí, khí hậu, thổ sản, tài nguyên. chính trị, thương mại của xứ Trung-kỳ ;dưới nói về việc truyền giáo.

Xin nhắc lại là chúng tôi chỉ mới trích dịch, chưa phê-bình chọn lọc.

a) Tính tình người Trung-kỳ

Người Trung-kỳ không khác người Trung-hoa về màu da mặt, và người nào cũng sắc xanh nhạt, đấy là nói những người ở gần bể, bởi vì những người ở tận trong đất liền cho tới đất xứ Bắc-kỳ cũng trắng như người Âu-châu.

Ngoài nét mặt, họ còn giống người Trung-hoa vì mũi tẹt, mắt nhỏ; về vóc người thì họ tầm thước: tôi muốn nói là họ không nhỏ bé như người Nhật-bản mà cũng không cao như người Trung-hoa. Nhưng về sức lực và dáng người thì họ vượt trên người Trung-hoa và người Nhật-bản; về can đảm và tài năng, họ đứng trước người Trung-hoa, nhưng người Nhật-bản hơn họ về một chỗ là khinh sự sống trong những lúc gian nguy và chiến trận, vì không kể gì đến thân mình, người Nhật không sợ chết bất cứ bằng cách nào.

Người Trung-kỳ hiền lành và có lễ-độ trong lúc nói chuyện hơn các dân tộc khác ở Đông-phương và họ coi sự giận dữ là một điều ô nhục tuy họ rất tự cao. Các dân tộc Đông-phương coi người Âu-châu như những quân phàm tục và tự nhiên kinh sợ ta đến nỗi khi thuyền ta ghé vào đất họ, họ trốn tránh cả. Ở Trung-kỳ thì trái hẳn lại: dân Trung-kỳ tranh nhau đến gần ta, hỏi ta hàng nghìn câu, mời ta ăn với họ; nói tóm lại, đối với ta, họ dùng đủ mọi điều lịch sự, nhã nhặn. thân mật. Tôi và các bạn đồng hành đã thấy như thế khi chúng tôi mới vào xứ này lần đầu và người ta có thể nói là chúng tôi đến giữa các bạn rất thân, biết nhau đã từ lâu...

Vì bản tính họ rộng rãi và phong tục dễ dàng nên họ ở với nhau rất có hòa khí, cư xử với nhau ngay thực và chân thành như anh em ruột cùng sống, cùng nuôi trong một nhà tuy họ chưa gặp nhau và biết nhau bao giờ. Và họ coi là một người đê hèn, kẻ nào giữ lấy ăn một mình một thức gì dù bé nhỏ vụn vặt đến đâu mà không đem chia cho kẻ khác mỗi người một phần. Họ có thảo tâm hay bố thí cho kẻ nghèo, chẳng bao giờ từ chối làm phúc cho ăn mày vì họ coi như đã thiếu bổn phận nếu họ không cho,và lẽ công bằng bắt buộc họ phải giúp đỡ.

Bởi thế nên một lần có mấy người ngoại quốc bị đắm tầu bơi được vào một thương cảng Trung-kỳ, không hiết thổ ngữ để có thể hỏi xin những thức cần dùng, chỉ phải học có mỗi một tiếng: Doii, nghĩa là tôi đói. Bởi vì khi nghe thấy mấy người ngoại quốc than như thế và đi qua cửa nhà họ kêu đói, thì người Trung-kỳ đua nhau ra ngõ, tỏ vẻ ái ngại và cho mấy người đó ăn...

Nhưng người Trung-kỳ rộng rãi và sẵn lòng cho nhanh bao nhiêu thì khi ngó thấy cái gì là lạ và hiếm, lập tức họ ham muốn và nói ngay; Sin moccaii (nghĩa là cho tôi xin một vật kia). Và h coi là một điều đại bất nhã nếu ta từ chối, không cho họ một vật, dù hiếm, dù có giá, dù

ta chỉ có một bản ; kẻ từ chối là một thằng bủn xỉn. Nên khi cần chỉ có thể : một là đem giấu vật mình muốn giữ lại, hai là sẵn sàng cho kẻ đã hỏi xin.

Một khách thương Bồ-đào-nha ý chừng không thích cách hành động lạ lùng ấy — mấy người thích cho được—và ngày nào cũng bị bực mình phải cho những vật đẹp mà họ thấy anh ta cầm tay, một hôm có ý kiến là anh ta cũng xử sự như họ. Định tâm thế, anh ta đến gần thuyền một chú chài nghèo khổ, để tay lên một sọt đầy cá, nói theo tiếng bản xứ scin mocaii (cho tôi cái này) : chú chài chẳng nói chẳng rằng cho luôn anh ta cả sọt cá. Anh Bồ-đào-nha đem sọt cá về, không khỏi ngạc nhiên và lạ lùng về tính hào phóng của người Trung-kỳ. Thật ra thì sau này ái ngại cho chú chài anh ta có đem trả đúng số tiền chỗ cá ấy.

Những tiếng dùng để nói chuyện thường, dùng trong cuộc xã giao hay dùng trong các lễ nghi cũng tựa như của người Trung-quốc. Kẻ dưới rất kính cẩn với người trên ; người ngang hàng đối với nhau rất tương kính đứng mực, chúc tụng khen ngợi nhau cũng tỉ mỉ như người Trung-quốc. Họ tôn trọng đặc biệt các bậc lão thành : trong bất cứ việc gì, ở giai cấp nào, trong trường hợp nào, họ cũng nhường người hơn tuổi và để tuổi già được ưu đẳng đối với hạng niên thiếu. Vì thế có mấy ông quan, tuy đã đến thăm chúng tôi nhiều lần ở nhà chúng tôi và đã được viên thông ngôn báo cho biết rằng có ông Cụ Đạo nhiều tuổi hơn chúng tôi nhưng không phải là Bề Trên chúng tôi, mấy vị quan ấy vẫn không khỏi đến chào ông Cụ Đạo trước, rồi mới chào vị Bề Trên ít tuổi hơn. Trong các nhà của người Trung-kỳ ngồi chơi có ba cách. Cách thứ nhất, thường nhất, ở trên chiếc chiếu dải trên nền đất để tiếp những người cùng bằng vai. Cách thứ hai ở trên những giây hay chạc căng thẳng (?), trên giải chiếu mảnh hơn, mềm hơn thứ trên kia, để tiếp những khách sang hơn. Cách thứ ba ở trên một chiếc « lều » (?), cao [illegible] mặt đất chừng hai « thước » rưỡi (2 pieds demi : 0m48) giống như cái giường, để tiếp riêng các quan lớn, các vị chủ tế trong vùng hay là các người trông coi việc tế-lễ (các cố của ta vẫn được họ mời lên ngồi đấy). Đã nhã nhặn và vui tính như thế, người Trung-kỳ biết trọng người ngoại-quốc, để mặc cho những người vùng này sống theo lề luật của họ, ăn vận theo ý muốn của họ. Thí dụ họ khen ngợi cách làm việc của ta, ca tụng tôn giáo của ta mà họ tự ý cho là hơn tôn giáo của họ ; khác hẳn với người Trung-hoa chỉ khoe khoang xứ sở, cách làm việc và tôn giáo của mình thôi.

b) Y-phục của người Trung-kỳ

Về y phục, tôi đã nói rằng tơ lụa rất thông dụng ở Trung-kỳ và tất cả mọi người đều mặc thứ hàng ấy. Chỉ còn phải nói cách họ ăn mặc ra sao.

Bắt đầu từ đàn bà thì tôi phải thú rằng tôi vẫn cho áo họ là giản tiện nhất trong vùng Ấn-độ và họ không chịu để hở một phần thân thể nào cả, trong những dạo oi nực nhất cũng vậy. Họ mặc năm sáu thứ vải mỏng, màu khác nhau, cái nọ phủ lên cái kia cái thứ nhất dài sát đất và hợ lê một cách trang trọng, đoan chính và uy nghiêm đến nỗi ta không thấy đầu bàn chân của họ. Rồi đến cái thứ hai, ngắn hơn cái thứ nhất bốn năm ngón tay ; cái thứ ba ngắn hơn cái thứ hai, và cứ tiếp tục thế, cái sau phải cân xứng với cái trước. Thành ra các mầu đều thấy rõ, tuy khác nhau. Ấy là thứ y phục mà đàn bà mặc từ thắt lưng xuống dưới còn thân trên, thì họ phủ bằng mấy thứ.... (?) (Car pour le corps elles le couvrent de certains corps de côte), giống như bàn cờ, mầu sắc khác nhau ; trên lại choàng một cái khăn quàng rất nhẹ mỏng trông qua còn rõ các mầu sặc sỡ kia, hàm ý một xuân sắc đẹp vui, kiều diễm nhưng vẫn trang trọng và khiêm nhường.

Đàn bà để tóc sõa và tỏa lên vai, mọc dài có khi chạm đất ; vì tóc càng giài, lại càng được coi là đẹp. Đầu đội nón vành to che lấp cả mặt đi, làm người đàn bà không nhìn quá ba bốn bước ra đằng trước. Những nón ấy, tùy theo địa vị của người đội, còn thêu lụa hay vàng. Sự lễ phép bắt buộc người đàn bà, khi gặp ai mà muốn chào, chỉ phải đỡ cao nón lên để người ta thấy mặt.

Đàn ông không có quần cụt và quấn cả một tấm vải, trên lại mặc thêm năm sáu cái áo (giây lưng ?) giài và rộng, bằng lụa mỏng và nhiều màu, có tay to và rộng như tay áo của các cha giòng Saint Benoist ; những áo này từ thắt lưng xuống đều rách và cắt vòng theo nhiều chấm lốm đốm. Thành ra khi đi chơi phố phường, họ đem khoe hết cả các màu sắc hỗn tạp ấy ; giá có ngọn gió nhẹ thổi vào làm mớ áo ấy bốc lên và bay tỏa ra, thì người ta có thể nói họ là những con công đang sòe đuôi và phô trương hết cả các mầu lông của chúng.

(Xem tiếp trang 17)

MÁY CHẠY BẰNG KHÍ THAN

của NGUY-NHƯ KONTUM

I

HỌA chiến tranh gây trên thế giới gần hai năm nay đã đem lại cho nhiều nước cái nạn khan dầu xăng. Thật ra cái nạn ấy không phải là đột-ngột, vì nhiều nhà kinh-tế học lâu nay đã nghĩ tới. và nhất là khoa-học đã lượng rằng các mỏ dầu xăng hiện nay đã kiếm ra được và khai khẩn trên thế giới cũng chẳng bao lâu nữa, độ hơn trăm năm, thì cạn. Vì những lẽ ấy, nhất là phòng nạn phong tỏa trong lúc chiến tranh, mấy năm về sau này, nhiều nước đã phải hô-hào khuyến-khích các nhà khảo-cứu sưu-tầm các thứ vật dụng thay dầu xăng. Có nhà đã lưu-tâm kiếm cách chế dầu xăng nhân-tạo; vấn-đề ấy hiện nay chưa xứ nào giải-quyết được một cách thỏa-mãn. Còn cách nữa là dùng các thứ thay vào dầu xăng. Có thứ kể cũng lợi hơn dầu xăng nhiều, nhưng bấy nay ít ai để ý đến vì phải cái không tiện bằng dầu xăng. Trong số ấy có « khí than », có thể dùng để thay dầu xăng tiêu-thụ trong các động-cơ. Thật ra, khí than, khoa học sáng chế ra đã lâu lắm, và cũng biết có thể đắc dụng vào các máy chạy bằng dầu xăng, nhưng chỉ có hơn mươi năm nay mới đem ra thực-dụng được. Muốn hiểu nguyên-do vì sao, tưởng nên nhắc qua một vài điều cần thiết về động-cơ chạy bằng dầu xăng.

II

Thứ động-cơ ấy, tức là thứ dùng trên các xe ô-tô hoặc các máy gạo, máy điện nhỏ, v. v., tiếng Pháp còn gọi là động-cơ nổ (moteur à cxplosion) kể ra cũng hơi lệch nghĩa một tí, vì máy chạy không phải vì sức nổ, mà vì sức nóng của hơi xăng cháy (chớ không nổ).

Cơ-quan cốt-yếu của các động-cơ ấy là một cái ống lớn bằng sắt, hình tròn và dài, gọi là xy-lanh (cylindre) (hình 1). Ống ấy kín mít, chỉ chừa hai lỗ thông A và B. Trong ống ấy, có một cái nút cũng bằng sắt, vừa lọt sít vào lòng xy-lanh, nhưng hơi lỏng để có thể chạy lui tới trong lòng xy-lanh được trơn-tru, từ X đến Y. Cái nút ấy, ta gọi ngay nó là pic-tông (piston). Pic-tông liền với thanh sắt ngang M N; thanh sắt ấy truyền sức mạnh của pic-tông sang các cơ-quan khác của động-cơ, như bánh xe chang hạn.

Bây giờ ta thử xem máy chạy bằng cách nào. Thí dụ pic-tông đang ở thế I, thì, theo lỗ thông A, người ta cho hơi dầu xăng lẫn trộn với không khí vào đầy thùng C. Rồi nhờ hai cái giây điện D, cho tóe ra một tia lửa, tức thì hơi xăng bùng cháy, biến ra các thứ khí như An-hýt-rít Cac-bô-nic (Gaz carbonique), hơi nước, vân vân. Sức nóng của dầu cháy đem nhiệt-độ các khí ấy lên một bậc rất cao: gần 2000°. Tức nhiên là các khí ấy giãn mạnh ra, đẩy pic-tông từ 1 sang 2. Sức giãn của khí nóng rất mạnh; thuốc súng lúc cháy nổ mạnh sở dĩ một phần lớn cũng nhờ sức nóng ấy. Nói riêng về dầu xăng, đốt độ 10 gam dầu xăng trong một xy-lanh chu-vi 10 gang, sức mạnh đẩy pic-tông hơn 10 tấn. Vậy thì pic tông bị đẩy mạnh từ 1 sang 2, sức truyền sang

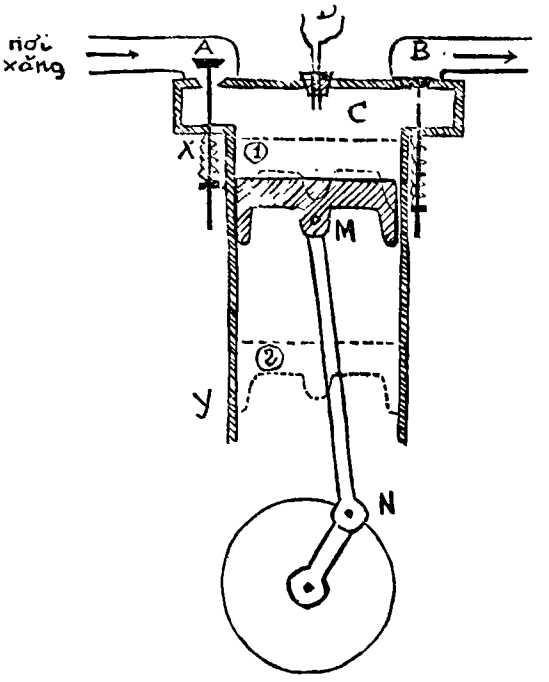

Hình 1

M N và sang bánh xe, đẩy xe chạy. Xe chạy vừa đủ đà đẩy pic-tông từ 2 về 1. Trong lúc này thì cố nhiên lỗ thông B hé ra ngoài, để khí buồng ra. Rồi pic-tông vào thế 1, ống thông B đóng lại, hơi dầu xăng lại từ A cho vào đầy thùng, đốt cháy, đẩy pic-tông từ 1 sang 2, vân vân, cứ thế mà xoay vần.

Nói tóm lại, pic-tông nhờ sức giãn của khí nóng đẩy chạy, truyền sang máy chạy. Máy chạy có đà đẩy pic-tông về chỗ cũ, để sức giãn của khí lại đẩy chạy, Như thế ta có thể tưởng lầm rằng máy không làm được công-cán gì, vì chỉ có việc lấy đà để đẩy pic - tông về chỗ cũ rất nhỏ. Vậy thì còn thừa đủ sức để dùng về việc khác, như đẩy xe chạy lanh chóng.

Đấy là nói sơ lược, thế nào ngoài việc đẩy pic-tông về chỗ cũ, người ta cần vật động-cơ làm hết thế các việc cần dùng, như mở hoặc đóng các ống thông ở A và B, ép hơi xăng để dùng vào máy, vân vân.

Rút cục lại, ta có thể nói rằng trong các thứ « động-cơ nổ », ta lấy sức nóng của dầu xăng cháy mà đổi lấy sức mạnh để đẩy pic-tông tiến, tức đẩy bánh xe quay, xe chạy. Vậy thì muốn xe chạy, ta chỉ cần thứ hơi hoặc khí gì cháy thật nóng, đừng để lại khói, tro nhiều, để đốt cháy trong xy-lanh. Hơi ấy, có thể dùng hơi dầu xăng, hoặc hơi dầu cồn. Nhưng hơi dầu cồn cháy ít sức nóng hơn, thành

thử máy yếu hơn. Hoặc muốn bằng sức thì phải đốt nhiều củi hơn, xy lanh phải lớn hơn, các cơ-quan phải chữa đổi, vì thế giảm bớt một phần lanh tiện của máy. Chưa kể đi xa phải mang theo nhiều rượu cồn, thật kềnh càng bất tiện.

Hơi dầu xăng, ta cũng có thể thay bằng « khi-than », lợi hơn, nhưng cũng ít tiện hơn, như sau này ta sẽ rõ.

III

Khí than tức là khí chế bằng cách đốt than cháy hóa ra.

Ta thường nói : cháy ra tro, hàm ý rằng vật cháy hóa ra tro. Kể thì không đúng lắm, vì có vật, như rượu cồn, dầu xăng chẳng hạn, cháy không có tro, thì chẳng hiểu phải nói cháy ra gì ?

Thực ra, các thứ « cháy ra tro » không phải vì cháy hóa ra tro mà vì không cháy hết. Tro chỉ là cái bã còn lại, lúc các chất cháy được đã cháy hết mà hóa ra một vật vô hình : tức là khí.

Nói cho rõ hơn, ta lấy ngay thí dụ than. Nguyên-chất của than là các-bon (carbone). Trong một cục than (than tàu hay than đá cũng thế), trộn lẫn với các-bon có vài phần trăm chất thuộc loại thổ, như cát, muối, v. v. Lúc ta đốt than tức là ta đem nhiệt-độ của than lên chừng 400, 500 độ thì than cháy ; nghĩa là các-bon hợp với dưỡng-khí tỏa ra rất nhiều sức nóng và hóa thành một khí kép, người ta gọi là An-hýt-rít các-bon-nic (anhydride carbonique). Còn các chất không cháy được như cát, muối thì đọng lại thành bã, tức là tro. Vì thế ta cũng đã thường biết than cháy nhiều tro là than xấu vì than nào giàu các-bon thì cháy nhiều sức nóng mà để lại ít tro.

Vậy thì than mà cháy tức là hợp với dưỡng khí sinh ra sức nóng và hóa ra An-hýt-rít các-bon-nic. Tức là, nói cho đúng thì than cháy tiêu tán « theo gió » chứ không ra tro. Nhưng đấy là lúc dưỡng-khí có đủ hay thừa ; nói cho rõ, nếu mỗi một gam than ta quạt đủ 9,2 lít không-khí (trong ấy có 1,8 lít dưỡng-khí) thì than cháy trọn mà sinh ra 1,8 lít An-hýt-rít các-bon-nic. Nếu không, và nhất là nếu than chất thành đống cao thì 1 gam cac-bon chỉ hợp cùng 0,9 lít dưỡng-khí mà thôi, sinh ra một thứ khí kép khác, ta gọi là Ốc-xýt các-bon (oxyde de carbone). Cố nhiên là trong phản-ứng ấy, than cháy chỉ tỏa ra một ít sức nóng mà thôi : chỉ non một phần ba. Còn hơn hai phần ba nữa, sau này ta lấy lại bằng cách đốt Ốc-xýt Cac- vì khí này non dưỡng-khí, cho nên có thể đốt c được, mà cùng 0,9 lít dưỡng-khí nữa hợp thành 1,8 lít An-hýt-rít cac-bon-nic. Khi Ốc-xýt Cac-bon cháy ngọn lửa xanh trong, ngọn lửa ấy ta thường được trông thấy lúc nào ta quạt một lò than hồng đỏ. Trên đám than đỏ rực, ta sẽ thấy phấp phới một ngọn lửa xanh, viền vàng : Trong đống than hồng chất cao và nóng đỏ. Cac-bon thừa mà dưỡng-khí thiếu, nên hai chất ấy chỉ hợp nhau mà sinh ra Ốc-xýt Cac-bon. Ốc-xýt Cac-bon ấy vì nóng thành nhẹ hẳn, bay bổng lên trên đám than, gặp dưỡng-khí, cháy nên ngọn lửa xanh. Ngọn lửa xanh ấy là ngọn lửa nóng. Còn cái viền vàng phần nhiều là bụi than cháy không hết, nhờ sức nóng của ngọn lửa xanh nung thành sắc ấy.

Vậy thì bây giờ ta sẽ hiểu rõ được đại-khái cách chế tạo khí than. Trong một cái thùng lớn bằng gang chất đầy than đốt đỏ, dưới có ống cho thông với không-khí ngoài, trên có ống hút khí ra. Nếu ống hút vừa mạnh ; và ống thông với không-khí không mở rộng lắm thì không-khí vào ít, than thì cháy nóng, chỉ sinh ra toàn Ốc-xýt Các-bon. Ốc-xýt Các-bon ấy lẫn lộn với đạm-khí (tất cả đạm-khí trong không-khí còn lại) tức là « khí than », ta có thể dùng thay hơi xăng dùng vào « động-cơ nổ ». Vậy thì trong khí than có một phần Ốc-xýt Các-bon và hai phần đạm-khí. Và có lẫn lộn một ít bụi, cát, nên trước khi dùng cần phải hút bụi, lọc sạch rất kỹ-lưỡng hãy dùng vào xy-lanh, không thì máy rất chóng hỏng.

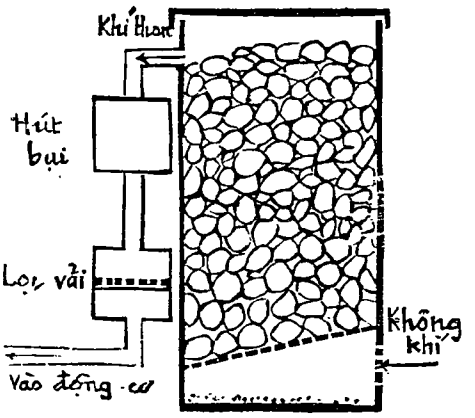

Hình 2

Cũng có thứ máy chế khí than, không dùng than làm vật-liệu mà dùng củi. Lẽ tất nhiên là củi bắt đầu cháy ra than, rồi than sinh ra khí than. Thực ra, khí than chế bằng củi ra cũng có lộn một ít khí ở củi sinh ra như khinh-khí, thành thử loại khí than ấy giàu chất cháy hơn, nhưng cũng giàu bụi, giàu chất nhựa, chất A-cit, cần phải lọc cẩn-thận hơn, không thì các chất ấy sẽ làm tổn hại các cơ-quan máy.

IV

So sánh khí than cùng với các vật-liệu khác, ta sẽ thấy cái lợi dĩ-nhiên về máy chạy bằng khí than.

Đã biết máy chạy bằng khí than giống hẳn máy chạy bằng dầu xăng. Song vì khí than cháy ít sức nóng hơn : 1 lít hơi xăng phải thay bằng 30 lít khí than ; thành thử kích thước xy-lanh phải lớn hơn. Cho nên động-cơ ấy phải làm kiểu riêng, hoặc chữa những kiểu cũ làm để chạy bằng dầu xăng. Dù mua máy mới, kiểu chạy bằng khí than, hay chữa máy cũ lại, tốn kém thêm cũng mất một vài nghìn đồng.

Nhưng số tiền ấy có thể chuộc lại rất mau chóng. Người ta đã tính rằng thay vào một lít dầu xăng, cần phải 1,3 ki-lô than củi, hoặc 2,500 ki-lô củi khô. Kể lúc bình thường giá 1 lít dầu xăng 0$36, còn giá trung bình 1,300 ki-lô than hạng tốt 0$06. giá 2,500 ki-lô củi khô 0$02 cái lợi dễ trông thấy.

Cũng nên biết rằng cùng xe chạy bằng củi hay than, phải chở thêm gần những 500 ki-lô than, trong lúc chiếc xe chạy bằng dầu xăng chỉ chở 100 ki-lô dầu, mất gần 200 ki-lô hàng. Kể thêm phải thuê tài-xế sành việc, trả đắt lương hơn một ít, và máy cần phải săn-sóc đến luôn luôn, năng lau chùi, súc sạch, nhưng tính hết cả chi tiêu, xe chạy bằng than củi vẫn rẻ hơn xe chạy bằng dầu xăng gần một phần ba tiền phí-tổn. Cố nhiên là người dùng xe phải biết nghĩ đến lợi lớn mà không quản cái phí-tổn nhỏ: ví dụ như năng thay vải lọc khí than để giữ máy khỏi phải bị cát bụi hoặc các chất A-cit tổn hại, mỗi lần chừa tốn vài trăm bạc, không bõ được bằng cái lợi vài đồng tiền vải lọc.

Kể những sự phiền phức của máy than, ta phải nhận rằng, hơi bẩn một tí, và hiện ngày nay còn khó mua được củi hoặc than hạng tốt để dùng vào máy cho khỏi những điều trở-ngại về máy chóng bị tắc và bị hỏng. Nhưng hiện nay ở các tỉnh miền Cao-mên và Nam-kỳ, người ta đã biết chế thứ than đủ điều-kiện đắc-dụng vào máy chạy bằng than. Ở các miền Trung, Bắc-kỳ ta cũng có thể luyện được một số đông thợ đốt than chuyên-môn để sau này có than dùng. Và trù nghĩ đặt các chặng đường rất nhiều sở bán than củi, có đủ người sành-sỏi bỏ than củi vào xe cho người mua khỏi phải lo đến. Lúc ấy, không những xe chở hàng hay xe chở khách, mà đến các xe chủ, xe lịch-sự cũng có thể dùng khí than, tiện lợi, rẻ tiền.

Đó là đứng về phương-diện cá-nhân. Còn nếu trông về phương-diện quốc-gia, thì xứ Đông-dương ta nhiều rừng giàu củi gỗ, chỉ một miền xứ Nam-kỳ (hiện nay khai khẩn 500 km vuông) có thể sản-xuất được gần 100.000 tấn than, dủ dùng vào tất cả các máy hiện nay chạy khắp cả xứ. Nếu xếp-đặt được để cho các máy hiện nay chạy bằng dầu xăng có thể chạy bằng khí than, ta sẽ khỏi phải hàng năm xuất ra ngoại quốc một số tiền 5 triệu bạc để mua dầu xăng. Chưa kể những lúc chiến-tranh như lúc này, xứ ta bị như người thiếu sinh-khí, sự sinh-hoạt ngừng-trệ hẳn lại. Phương chi số tiền mua dầu xăng ấy ta đem mở mang một kỹ-nghệ mới trong xứ, dụng biết bao nhân công, giúp cho xứ ta khai-khẩn nhưng kho tàng quí thiên nhiên. Lại thêm có người chăm nom đến, tránh được cái hại phá hủy một cách vô lý biết bao rừng núi, có ảnh hưởng không nhỏ đến việc cày cấy các miền đồng bằng ở chân núi.

Những tiếng về hoa-học dùng trong bài này đều hợp theo bản Danh từ Khoa-học của ông Hoàng xuân-Hãn đang soạn.

N. N. K.

Xã-hội Việt-Nam từ thế-kỷ thứ mười bảy

(Tiếp theo trang 13)

Đàn ông cũng nuôi tóc giải, chấm gót như đàn bà và cũng có nón. Ít người có râu, nhưng ai có thì không cắt đi bao giờ, y như người Trung Quốc cũng như họ nuôi móng tay giài; những nhà quyền quí không cắt móng tay bao giờ giữ móng tay để tỏ ra rằng họ cao quí và để phân biệt với bọn cùng dân và các thợ thuyền không thể để móng tay giài vì vướng trong khi làm lụng.....

Các văn nhân và các văn quan ăn mặc đứng đắn, ít lòe loẹt; trên các áo giài khác họ mặc một tấm áo giài bằng vải Damas đen; họ lại còn có một thứ khăn tế (étolle) đeo ở cổ, một thứ khăn tế bằng lụa xanh da giời khoác ở tay; (manipule) họ có chiếc mũ giống như mũ tế của các giám mục.

Cả đàn ông lẫn đàn bà tay cầm quạt, giống như quạt Âu châu, cầm để cho có vẻ hơn là vì lẽ gì khác. Trái với người Âu châu ta có tang thì bận đồ đen, họ lại bận đồ trắng. Chào ai, họ không để lộ đầu vì họ cho thế là vô phép và họ đồng ý với người Trung Quốc, coi sự để đầu trần không hợp với người có danh giá và rất bất kính nên muốn chiều tính họ các cố giòng ta đã xin được phép đức thánh giáo Hoàng Paul V của chúng ta khi làm lễ mi xa ở các xứ này vẫn được đội mũ.

Sau hết, người Trung kỳ không có quần nịt, không có giầy; muốn cho gan bàn chân khỏi bị thương tổn bất quá họ chỉ dùng một miếng để giầy bằng da, có mấy cái khuy hay mấy cái giải lụa giữ lại và buộc lên trên chân, thay cho dép, vì họ không nghĩ rằng đi chân không là trái lễ nữa (như để đầu trần). Dù đi giầy hay đi chân đất. họ cũng không ngại giá chân vô ý hay cố ý vấy bùn, vì trong mỗi nhà ở bực cửa đã có sẵn một bể nước sạch để rửa chân; còn ai có dép thì khi vào nhà, bỏ ở cửa — khi ra mới lấy lại — vì trong nhà, nền đã trải chiếu rồi không còn lo bẩn chân nữa.

Đã biết rõ rằng người Trung kỳ không cố chấp về hành vi cử chỉ mà đến phải như người Trung Quốc [illegible] hành vi của người ngoại quốc, nên các giáo sĩ của ta ở các xứ này không phải lo đổi kiểu áo; áo này cũng giống kiểu áo chung cho toàn cõi Ấn-Độ các vị ấy mặc một áo tu bằng bông mỏng, kêu là Ehingon, thường thường mầu xanh da trời, và đi ra chỗ đông không mặc áo giài nào khác và không có áo quàng.

(Còn nữa)

Giáo-dục thanh-niên VÀ NỀN SƠ'-HỌC Ở NƯỚC NGOÀI

của VŨ ĐÌNH-HÒE

GIÁO-dục thanh-niên là phản-ảnh của sự tổ-chức xã-hội về chính-trị và phản-ảnh của một lý-tưởng làm căn bản cho sự tổ chức đó.

Xét nền giáo-dục của những nước có địa-vị quan-trọng trên hoàn-cầu từ sau cuộc Âu-chiến 1914-18 đến trước cuộc đại chiến ngày nay, ta thấy những nước đó chia làm hai phái: một phái gồm có các nước Pháp, Anh, Mỹ theo chế-độ tự-do và một phái có Ý, Đức, Nga theo chế-độ chuyên-chế.

KIỂM DUYỆT BỎ

Bài này lược khảo và so sánh nền giáo-dục của các nước trên trong mỗi phái. Đoạn cuối nói về nền giáo-dục mới ở nước Nhật và nước Tầu là hai nước độc-lập ở Á-Đông đã cải cách nền học theo phương-pháp tây-phương. Sau hết sẽ nói đến việc dự định cải cách nền học ở nước Pháp của Thống-chế Pétain. Trong mỗi nước sẽ xét về nguyên-tắc giáo-khoa, cách tổ-chức đại-cương các bậc học và chú trọng đến nền sơ-học, nền học của quần-chúng.

Ta nên nhận ngay rằng ở tất cả các nước đó, *nền sơ-học là nền học bó buộc và không mất tiền.* Chế định ấy là một lợi khí tối-trọng — nếu không phải là duy-nhất — để mở mang dân-trí, và một bổn phận đầu của chính-phủ đối với dân-chúng.

■

I. — Ở NƯỚC PHÁP

HAI nguyên-tắc sau này làm căn-bản cho nền giáo-dục:

1.) *thuyết nhân-bản* (Humanisme)

2.) *thuyết chủ-trí và chủ-lý* (Intellectualisme et Rationalisme) . . . . . .

KIỂM DUYỆT BỎ

. . . . phương-pháp của cách giáo-hóa đó là điều hòa các môn học để gây cho thiếu niên một tài sản học thức « làm người » — Vì thế, trong chương-trình của hết thảy các ban học, cả ban chuyên môn nữa, đều có một nền học gốc (culture de base), tức là nền học phổ-thông (culture générale) cái học phổ-thông ấy cần phải đầy đủ nghĩa là thiếu-niên phải được thấu thái những điều cương yếu của tất cả các môn học, thì nền giáo-dục nhân-bản mới không bị thiếu thốn. Trong chương-trình học phổ-thông, khoa cổ-điển (les humanités classiques) được người ta chú trọng đặc biệt vì đó là cái tinh hoa của văn-minh nhân-loại từng bao thế hệ.

Tính cách thứ hai của nền giáo-dục Pháp là tính-cách chủ-trí (culture intellectualiste). Việc dạy dỗ chú trọng về sự bồi dưỡng trí-thức — sự hiểu biết rộng vẫn là mục đích cốt yếu của khoa sư phạm pháp. Trí-dục đặt trên đức-dục và thể dục — Vì thế trong chương trình học những giờ thể thao, những giờ dành cho các môn thủ-công, vẽ, đàn hát, trò chơi có tổ chức rất có ích để rèn đức tính, thật là ít ỏi so với những giờ học thuộc về các khoa mở mang trí não.

Về phần trí-dục, sự giáo hóa theo thuyết chủ-lý (rationalisme) mục đích là mở mang lý-trí để gây óc phán đoán (esprit critique) và óc khoa-học (esprit scientifique). Vì thế khoa sư phạm của Pháp chủ về lý-thuyết hơn về thực-hành. Những giờ giảng dạy vẫn nhiều hơn những giờ tập ở phòng thí-nghiệm; sự học bằng sách vở vẫn quan trọng hơn sự học bằng kinh-nghiệm; những giờ học ở ngoài đời rất ít so với số giờ ở trong lớp học.

Cách tổ-chức giáo-dục ở Pháp

Ở nước Pháp có hai nền học khác nhau: nền tiểu-học (enseignement primaire) và nền trung-học (enseignement secondaire) Cho đến gần đây hai nền học ấy vẫn còn phân biệt hẳn. Hai nền học đều bắt đầu huấn luyện học trò từ lúc chúng 5, 6 tuổi mới tập đọc, và đi song hàng nhau trên một quãng đường rất dài của đời học-sinh. Việc quản-trị, cách tuyển các giáo-viên cách xếp đặt của hai bên khác nhau nhiều lắm; chương trình dạy không liên lạc gì với nhau khiến học-sinh không có thể từ bên nọ sang bên kia được.

Nền tiểu-học có hai bực: bực sơ-đẳng tiểu-học (enseignement primaire élémentaire), dạy trong 5 năm, có từ lớp đồng ấu đến lớp nhất tận cùng bằng kỳ thi sơ-học (cestificat d'étucles primaires); — bực cao-đẳng tiểu-học (enseignement primaire supérieur), dạy trong ba năm sau cùng có kỳ thi lấy bằng cao-đẳng tiểu-học (Brevet élémentaire và Brevet d'enseignement primaire supérieur).

Nền trung-học cũng có những lớp sơ đẳng (classes élémentaires) từ lớp 11e đến lớp 7e. Từ lớp 6e đến lớp 1e là nền trung-học chính-danh rèn cập học-trò đến kỳ thi tú tài (baccalauréat de l'enseignement sesondaire) là cái then chốt để vào các trường Đại-học.

Mãi đến gần đây ở ban trung-học, học còn phải giả tiền.

KIỂM DUYỆT BỎ

. . . . . .

KIỂM DUYỆT BỎ

Ngoài hai nền sơ học và trung học còn có nền học chuyên-nghiệp (enseignement professionnel et technique) rèn học trò từ sau kỳ thi sơ học để đi tới những trường cao-đẳng chuyên nghiệp.

Nền sơ-học ở Pháp

Ban sơ-học mục-đích là dạy cho dân-chúng một chút học-thức tối thiểu cần để hiểu biết và làm tròn phận-sự làm người và làm công-dân. Chương trình gồm những điều cốt yếu và thường thức về khoa phổ-thông thêm vào đấy một ít giờ học về hát, thủ-công, thể thao...

Sơ-học là một nền học cưỡng bách, nghĩa là trước hết bó buộc các gia-đình phải dậy dỗ con cái (dưới quyền kiểm soát của các ông xã-trưởng và thanh-tra sơ-học) hoặc gửi chúng đến trường học từ năm lên sáu, sau là bó buộc nhà nước phải tổ chức nền học đó cho mọi người được hưởng một cách dễ dàng: Mỗi làng phải lập một trường tiểu học, có khi mỗi xóm một trường nếu xóm đó cách xã-lỵ trên 3 cây số.

Cũng có những trường tư về ban sơ-học nhưng hầu hết là trường của nhà đạo.

Trong năm 1936, bốn triệu rưỡi người biết đọc và biết viết. Số người thất học là 8 người (không biết đọc không biết viết) trong một trăm người (bản thống kê của nhà binh).

Những phương pháp mới

Theo những huấn-thị năm 1923 của Học-Bộ giáo dục ở ban tiểu-học phải có tính cách hoạt-động

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . Phải rèn cho chúng óc tò mò và trí sáng kiến; chúng phải nhận xét, thí nghiệm, tự tìm ra những điều đáng học.

KIỂM DUYỆT BỎ

Ở Pháp, sự thực hành những phương-pháp mới (phương-pháp Montessori, Decroly, Froebel đã ứng dụng có kết quả ở Anh và nhất ở Mỹ (sẽ nói ở đoạn III) không thích hợp với lối dạy chung (enseignement coleectif) với một chương trình học rậm rạp, với lối học lý-thuyết và lối học khoa cử.

Tuy nhiên, người ta đã để tâm đến vấn đề này, người ta đã chịu mua những khí-cụ về khoa sư-phạm như máy hát, máy chiếu bóng, máy vô-tuyến-điện... Người ta đã thấy sự quan-trọng của các khoa thủ-công, vẽ đàn hát...là những món mà xưa kia người ta coi là phụ và dẻ dúng. Ở một vài nơi người ta đã tổ-chức ở trong trường những hội ái-hữu, hợp-tác, từ-thiện giao cho học-trò coi sóc để chúng tập việc về khoa luân-lý.

Nền cao-đẳng tiểu-học

Người ta nhận thấy rằng nếu không rèn rũa thêm thì cái học ở nền sơ-đẳng chẳng bao lâu sẽ « chữ thày lại giả thày ». Vả lại ban sơ-học không đủ làm hài lòng những người không có tiền để theo nền trung-học mà lại muốn có đủ tư-cách để tìm kế sinh nhai sau khi trưởng thành.

Vì thế nên người ta đã lập thêm ban cao-đẳng tiểu học, dạy trong ba năm cho những học trò từ 13 đến 16 tuổi đã có bằng tiền-học. Trong bậc này cũng lấy khoa phổ-thông, văn-chương và khoa-học làm gốc – Thêm vào đấy có những môn chuyên-nghiệp, lý-thuyết và thực-hành, cùng những buổi tập việc về công nghệ, canh nông và trong phòng thí-nghiệm — Các thức học điều hòa với nhau để rèn thanh niên vào những ngạch trung-cấp trong các sở công tư, trong thương-giới, và kỹ-nghệ-giới..

Nền cao-đẳng tiểu-học có kết quả rất tốt đẹp— Sự học đó vừa có tính cách giáo-dục vừa có tính cách thiết-thực. Cũng vì vậy mà người ta đã có ý nghĩ lập một nền học nhân-bản mới (les humanités modernes) gồm có những khoa văn-chương, khoa-học, sinh-ngữ và, thêm vào, những món thiết-thực như vẽ, thủ-công v. v... Cách giáo-dục ấy vượt hẳn lối dạy-dỗ ở ban trung-học theo quan-niệm chủ-trí của sự học phổ-thông ;

Đó là lẽ thứ hai đã đưa đến điều dự định cải cách việc học thành một nền giáo-dục duy-nhất.

Giáo-dục duy-nhất (Ecole Unique)

Khoa sư-phạm Pháp sang đầu thế-kỷ thứ 20 đã gây một phong trào cải cách luôn luôn hoạt-động Sau những cuộc bút chiến gay gắt giữa hai phái tân cựu về lối học nhân-bản cổ-điển và lối học nhân bản cận-đại, nhiều sự thay đổi đã thực hành. Đó là những cuộc thí-nghiệm để đi tới dự án cải cách . . . . . Jean Zay ngày 2 Mars 1937.

KIỂM DUYỆT BỎ

. . . . . .

. . . . . .

Dự-án Jean Zay đã đem thảo luận ở Nghị - viện. Tuy dự-án mới được chuẩn-y được một vài khoản, nhưng những khoản khác cũng đã đem thực hành bằng sắc-lệnh với nghị-định.

Ban tiểu-học đổi ra là bạn học đệ nhất-cấp (enseignement du 1er degré). Các lớp sơ-đẳng ở các trường trung-học từ lớp 11e đến lớp 7e đổi thành những trường công, chương-trình học như ở các trường tiểu-học.

Phương pháp sư-phạm cũng thay đổi . . . . . Ở nhiều quận. số giờ học đã bớt đi để dành riêng trong mỗi tuần lễ nửa ngày cho khoa thể-dục và nửa ngày cho những khoa giải-trí có người hướng dẫn (loisirs dirigés).

Những học trò muốn theo ban học đệ nhị cấp (enseignement du 2e degré) bó buộc phải có bằng tiểu-học, và trước khi theo học ban đó, phải theo một lớp hướng dẫn (classe d'orientation) trong đó những giáo viên sẽ xét tài năng riêng của từng trẻ để hướng dẫn chúng đi vào đường nào hợp với chúng nhất.

Nền cao-đẳng tiểu-học và nền trung-học (từ lớp 6) hợp nhất lại thành nền học đệ nhị cấp. (1) Ở lớp hướng dẫn ra, học sinh sẽ chọn một trong ba ban : cổ-điển, cận-đại, chuyên-môn (classique, moderne technique). Tuy vậy cái học phổ-thông vẫn làm gốc trong ba ban ấy.

Từ đây . . . . . Chương trình ban cao-đẳng tiểu-học sát nhập và điều hòa với chương trình ban trung - học. Lớp 6e ở ban trung-học là lớp dự-bị, của ban C. Đ. T. H. (classe préparatoire de l'E. P. S.), các lớp 5e, 4e, 3e ban trung-học là năm thứ nhất, năm thứ nhì, năm thứ ba ban cao-đẳng tiểu-học.

Kịp đến năm vừa qua, nền giáo-dục ở Pháp đã bị lung lay vì cuộc đại chiến. Thống-chế Pétain đang dự định và bắt đầu thực hành một nền giáo-dục mới. Việc ấy sẽ nói ở đoạn cuối.

■

II. — Ở ANH

NỀN giáo-dục ở nước Anh cũng như ở nước Pháp, đặt trên thuyết cá nhân tự do và thuyết nhân - bản (conception libérale et humaniste).

Nhưng hai cách giao hóa khác nhau ở chỗ này: giáo-dục Pháp chủ sự rèn đúc trí-não (culture de l'esprit) mà giáo-dục Anh thì chủ sự rèn-đúc *tính-khí* (culture du caractère).

Vì vậy chương trình của nền giáo-dục trên gồm nhiều môn thuộc về lý-trí để gây cho thanh-niên

(1) từ năm 1933 học ở ban trung-học không mất tiền

một cái học phổ-thông — trái lại ở nước dưới trong chương-trình phần quan-trọng là những môn thiết thực mục-đích để rèn những đức-tính như vẽ, đàn hát, thủ công, thể-thao, trò chơi có huấn-luyện, các sự tổ-chức công cộng và có tính cách xã - hội.

Vì vậy phương-pháp giáo-dục ở Pháp là phương pháp chủ-lý (méthode rationaliste), mà phương pháp giáo-dục ở Anh là phương-pháp thực-tế dựa vào sự kinh-nghiệm (méthode empirique) Cho nên các nền học ở Anh không lập theo một thống-hệ nhất định, chi phối thành những ban, những môn điều hòa ăn nhịp với nhau — mà lập theo hoàn-cảnh và sự nhu - cần luôn luôn thay đổi. Nền giáo-dục ở Anh là gồm nhiều sự tổ-chức lẻ loi, nhiều sự dung hòa. nhiều sự giải - quyết từng phần để luôn luôn thích - hợp với thực-tế : một tính cách đặc biệt của nền giáo-dục Anh là sự phức-tạp. Về mỗi ban học có nhiều trường khác nhau. Ở mỗi bực, mỗi trường có những nền nếp, những thói tục riêng, nhiều khi theo một chương-trình riêng nữa. Cả đến bực đại-học cũng thế. Các trường đại-học chia làm ba phái : một phái gồm các trường Oxford và Cambridge — một phái gồm các trường đại học ở sứ Rcosse — một phái gồm các trường đại-học mới (Les Universités modernes) ở Londre và các tỉnh to.

. . . . . .ở Anh có hai nền học cách biệt hẳn: nền tiểu-học cho dân - chúng và nền trung-học đi tới nền đại-học cho giai-cấp trung lưu và quý-phái, họ muốn giữ chặt lấy cái đặc quyền mà tục-lệ đã dành cho họ.

Ngoài hai nền học đó cũng có nền học chuyên-môn để bổ túc những môn học thực-tế đã dậy ở các trường tiểu-học và trung-học.

Nền tiểu-học ở Anh

Các trường tiểu-học là những trường của làng và các trường tư.

Năm 1936, người ta tính ở Anh có hơn một vạn trường tiểu-học và 5 triệu học-trò : 1 vạn trường công hơn 3 triệu rưỡi học-trò và 1 vạn trường tư, một triệu rưỡi học-trò. Trường tư do các hội công-giáo xây dựng trông coi và các làng chịu các khoản chi phí.

Nền sơ-học có ba bực:

1.) Bực thứ nhất là những *lớp đồng-ấu* (nursery classes) cho trẻ con dưới 5 tuổi. Trong những lớp này, người ta để trẻ con tự do chơi dùa, người ta dùng những trò chơi để gợi trí tinh-khôn của chúng, người ta chăm-chú đến sức khỏe của trẻ. Nơi giậy là một nơi thoáng rộng mát mẻ và đẹp mắt.

2.) *Bực thứ hai cho các trẻ nhỏ* (infant's class) cho trẻ con từ 5 đến 8 tuổi. Người ta vẫn kính trọng cá-nhân-tính của chúng. Chương-trình học buổi sáng: tập đọc, tập viết, tập tính bằng những hình vẽ và khí cụ tinh-sảo.

Buổi chiều: trò chơi. nhảy múa, đàn hát, vẽ nặn, thể-thao.

3.) *Bực thứ ba cho các trẻ lớn* (Junior school) trong những lớp này, các ông hiệu-trưởng và giáo viên tự ý tìm những môn dạy và những phương-pháp thường thường, chương-trình học như sau này:

Mỗi tuần lễ 10 giờ anh văn ; 5 giờ sử-ký địa-dư, hát. vẽ ; 5 giờ cách-trí và các việc thực-hành (con giai : cưa sẻ, giồng giọt ; con gái : thêu thùa, nấu nướng) 1 giờ rưỡi thể-thao ; 2 giờ học đạo.

Khoa-học đạo chỉ dạy những điều cốt-yếu về đạo và luân-lý gia-tô, chứ không dạy trẻ theo một giòng một phái đạo nào.

Khoa-học tiểu-học của Anh tối kỵ nhưng tư tưởng không hợp với sự hoạt động tự nhiên của trẻ con Khoa ấy không chủ ở việc dạy cho trẻ thật nhiều kiến-thức mà chủ ở việc mở-mang sự kinh-nghiệm của chúng rèn cặp cho chúng một tinh-thần và một tính-chất mạnh-mẽ.

Trong bực tiểu-học, bắt đầu từ năm 1926 người ta đã lập bực *sau tiểu học* (enseignement post primaire) mục-đích để nhận những học-trò giỏi mà không đủ tiền để theo nền trung học. Bực « sau tiểu-học » không mất tiền dạy trong 4 năm, chương-trình dung hòa hai chương-trình chung-học và chuyên-môn Bực học này tương-tự bực Cao-đẳng tiểu-học của Pháp.

■

III.— Ở MỸ

KIỂM DUYỆT BỎ 11 GIÒNG

Cũng như ở Anh, giáo-dục ở Mỹ khác ở Pháp là vì chủ ở sự *rèn đúc tinh-khí* chứ không phải ở sự mở-mang trí-thức,

Cái kpuynh-hướng đó ở Mỹ còn *mạnh hơn ở Anh* — Nó làm nền tảng cho những cuộc tổ-chức nhịp-nhàng gây thành một nền giáo-dục duy-nhất và có thống-hệ, trong khi ở Anh nó còn phải

chống với những thói tục tương phản và chỉ gây được những cuộc cải cách theo sự may rủi của hoàn-cảnh.

Vì vậy nền giáo-dục ở Mỹ có những tinh cách rõ-rệt sau này :

1.) *Khoa giáo-dục Mỹ là một khoa giáo-dục hóa theo cá-tính* (ensignement individualisé).

Giáo-dục hóa theo cá tính là một phương-pháp trọng yếu trong khoa rèn đúc tính-khí — Phương-pháp đó ứng dụng nhiều nhất ở nền tiểu-học sẽ nói ở sau.

2.) *Khoa giáo-dục Mỹ là một khoa giáo-dục thực tế* (éducation concrète et pratique) ở đây những môn học trừu-tương, những khoa thuộc về lý-thuyết đều ít được chuộng. Cái lối học phổ-thông, cái lối học rộng, (la culture générale, le savoir) đều bị coi kém lối học bằng kinh-nghiệm : người ta dậy khoa địa-dư chẳng hạn bằng những điều nhận xét ở trong tỉnh, trong quận, trong nước (nhiều trường dùng tầu bay để đưa học trò, đi xem xét một vùng trong xứ). Cái lối học chủ-trí và chủ-lý (intellectualisme et rationalisme) đều không được tôn-sùng. Trái lại, những trò chơi và những môn thể-thao là một phần quan-trọng trong chương-trình học tập. Không kể ở các ban tiểu-học và đại-học ngay ở ban trung-học mà chương-trình học bao giờ cũng bề-bộn hơn cả, những môn thể-dục chiếm 3, 4 giờ trong một ngày và gần hết cả ngày thứ bảy. Người ta coi những trò chơi, những môn thể-thao không những là một cách luyện thân-thể cường tráng mà lại là một khoa đức-dục gây cho trẻ sự trọng kỷ-luật, sự coi ích chung trên tư lợi, lòng can đảm, tinh-thần đoàn kết v. v...

Một môn khoa-học thiết thực nữa là khoa công-dân giáo-dục và xã-hội học.

Lối giậy chú-trọng về phần thực hành. Ở các trường đại-học, có một lớp diễn thuyết để sinh-viên bàn cãi về các vấn-đề xã-hội. Sinh-viên được tham gia vào các hội-thiện và các công cuộc cứu tế. Họ có câu lạc bộ, có tạp chí, để tập luyện về chức-vụ làm công-dân.

Muốn cho học-sinh quen với việc giao-tế trong xã hội, ở nhiều trường trung-học người ta tổ-chức cách sống như trong một tiểu quốc dân-chủ : người ta giao cho chú[illegible] những công việc nội-quy, kiểm soát đức-hạnh c[illegible]u, giám xát trong các kỳ thi, định đoạt cách [illegible]ng phạt, tổ-chức các cuộc tranh đấu về thể-thao... Chúng bầu một « nghị-viện » cỏn con trong đó cũng có một ông viện-trưởng, những viên bồi-thẩm, những tiểu ban nội trị, tư-pháp, kinh-tế... ông hiệu-trưởng và các giáo-viên đứng ngoài hướng dẫn một cách khôn khéo cái tiểu chính-phủ ấy để tránh cho các ông nghị tí-hon những cuộc cãi lộn quá hăng-hái, tuy vẫn để các ông tự do hành động. Sự thí-nghiệm đó có kết-quả khá, người ta nhận thấy các ông nghị làm được việc và phương-pháp tự cai-trị ấy (méthode de self-governement) ngày một lan rộng.

3.) *Khoa giáo-dục Mỹ có tích-cách thực-dụng* (pragmatisme).

Vì lẽ trên ta rất dễ hiểu rằng trong nền học Mỹ những môn học để tu dưỡng tinh-thần, những môn học cần phải sự suy nghĩ chín chắn và sức làm việc mãnh liệt của trí-não đều không được ưa-chuộng. Lẽ tất nhiên môn học cổ-điển bị dè-dúng — Cả đến những khoa-học về nhân-bản cận đại cũng vậy vì môn văn-chương dù ở tiếng mẹ đẻ hay tiếng ngoại quốc vẫn là một món rất thiếu-thốn trong chương-trình. Nền trung-học có hai ban : ban cổ-điển và ban chuyên-nghiệp. Người ta nhận thấy ban chuyên-nghiệp ngày một bành trướng và lấn sang đất của ban cổ-điển.

Cách tổ-chức giáo-dục và nền tiểu-học ở Mỹ

Ở Mỹ không có sự phân biệt hai nền học, nền tiểu-học cho quần-chúng và nền trung-học cho giai cấp hữu sản như. . . . . ở Anh. Nước Mỹ là nước đầu tiên đã thực hành nền học không mất tiền và không theo một tôn giáo nào, trước ở ban tiểu học (vào khoảng 1830) sau ở ban trung học (vào khoảng 1850). Là vì nước Mỹ là nước công-hòa dân-chủ đầu tiên. Sau khi sự phân-tách chính-giáo và sự phổ-thông đầu phiếu đã thực hiện, người ta ban bố ngay một nền giáo dục cưỡng bách không mất tiền và không theo đạo giáo nào.

Nền tiểu-học, nền học bó buộc, bắt đầu từ năm lên sáu đến năm 14. Những học sinh có bằng tiểu học được vào học trường trung-học (high school) Ban trung-học cũng không mất tiền. Học sinh theo ban đó trong bốn năm và có thể thôi học sau 2 năm — Trong hai năm cuối, ban trung-học huấn-luyện học trò vào các trường cao-đẳng.

Việc lập các trường là do ở các làng và các thành phố.

Ở bậc tiểu-học và trung-học, các trường đều chung cho con trai và con gái và các giáo viên hầu hết là đàn bà.

Nền tư thục giữ một phần quan trọng. Ngày trước nền đại-học hoàn toàn do tư-nhân tổ chức và đứng độc lập. Ngày nay một phần nhớn các trường đại học cũng còn là trường tư. Các trường đó do các nhà hảo tâm dựng lên và luôn luôn sống bằng những món tiền trợ cấp rất hậu của những tư gia giàu lòng nghĩa hiệp. Có trường chỉ nhờ sự giúp đỡ ấy mà sẵn tiền cấp học bổng cho sinh viên và giữ được tính cách bình-dân.

Ở các trường tiểu-học, ngoài những bài tập đọc, tập viết, toán pháp địa dư sử ký vệ sinh những điều cương yếu về khoa-học, trương trình học lại có những môn giậy vẽ, giậy đàn hát. Thể-

dục được người ta chăm chú đặc biệt bằng những trò chơi có tổ chức và những buổi tập thể thao có những giờ giấy giữ mình để bảo cho trẻ cách tránh những tai nạn ở phố, trên đường, trong xưởng thợ, trên xe hỏa. Người ta dùng trường học để săn sóc đến sức khỏe của trẻ con. Có những y - sĩ và nữ - khán - hộ chuyên về việc đó. Buổi sáng và buổi chiều, người ta phát cho mỗi trẻ một chén sữa ngay trong giờ học. Người ta khám mắt chúng luôn luôn. Đứa nào có tật ở mắt đều được nhà trường chữa cho. Một phòng chữa răng sẵn có ở trong trường để chữa không cho học trò Những đồ đạc làm kiểu riêng cho những trẻ yếu gầy để chúng khỏi bị vòng xương...

Người ta cũng săn sóc cả đến bộ thần-kinh của trẻ để tránh những bệnh óc.

Người ta xếp đặt những lớp không tùy theo tuổi học trò mà tùy theo trí thông minh của chúng. Đối với những đứa trẻ tinh thần kém, chương trình học chỉ chuyên về những khoa thủ công. Trái lại, những trẻ thông minh trong giữa năm cũng có thể sang học lớp cao hơn.

Một phương châm trong khoa sư phạm ở nền tiểu học là gây cho trẻ tinh thần quốc gia và tình yêu nước, bằng lễ chào cờ mỗi buổi sáng, những buổi học hát chung, sự tham gia vào các hội hè troug làng và trong nước.

Ở trong nhiều tỉnh to, các trường tiểu học tư thường tổ chức theo lối các lớp học giữa giời. Ở giữa mùa đông rét tới — 20°. người ta thấy những bầy trẻ con chùm khăn quàng lông, bít tất tay, ngồi xung quanh một chiếc lò sưởi to — Những lớp ấy chỉ dạy trong 20 phút và gián đoạn bằng những cuộc vận động. Sau bữa ăn : một giờ ngủ trong chăn đệm ở một phòng lớn bốn bề không có cửa Hình như bệnh lao rất hiếm ở trong những bọn trẻ con này.

Những phương-pháp mới

Một số trường công và tư đã thực hành những phương pháp mới trong khoa sư-phạm, dựa theo những điều phát minh về khoa tâm lý trẻ con. Phần nhiều những trường đó áp dụng chương trình Dalton.

Hai nguyên-tắc chính : để trẻ con được tự do hành động và rèn cập những bản năng riêng của từng đứa. Ở nhà trường cũng vui vẻ như ở trong gia-đình. Trẻ con tự do đi lại từ buồng nọ sang buồng kia và được nói chuyện thì thầm trong giờ học. Không có những lớp với những dẫy ghế dài và những tường khắc khổ—Có những phòng thí-nghiệm riêng cho từng món học, đồ đạc bầy biện vui mắt, sách vở, tranh ảnh, khí cụ xếp đặt theo từng loại học. Một buồng rộng làm nơi hội họp : ở đó mỗi giáo viên họp bọn học trò của mình buổi sáng để chỉ dẫn các điều, và buổi chiều để xem xét công việc của từng trò, so sánh các kết quả, trao đổi ý kiến.

Một lối dạy hóa theo cá tính

Không có lối dạy học theo một lề lối, không có lối dạy cùng một khuôn khổ. Mỗi trò chọn những môn học trong chương trình tùy theo sở thích, sắp đặt cùng với ông giáo công việc trong một tháng, và làm trọn công việc ấy tùy theo cách riêng của mình. Chúng chữa lấy những bài làm, bằng cách đối chiếu với bài kiểu mẫu và có thể hỏi thêm ông giáo hay các bạn bè khôn khéo hơn. Mỗi tháng hai lần, người ta làm những bản chứng-nghiệm (tests) để thử sức học của trẻ và khuyên bảo chúng Công việc của ông giáo phần nhiều chỉ là xắp đặt thì giờ. Người ta tin ở sự cố gắng và lòng thực thà của con trẻ. Người ta chỉ cần bảo ban những chỗ nhầm lẫn.

Phương pháp Dalton thực hành khó khăn và tốn tiền nên phần nhiều chỉ ứng dụng trong trường tư. Ở trường công, người ta thường thực hành một phương-pháp khác (Gary plan) phương pháp của John Dewey đã đem ứng dụng đầu tiên trong những trường của nhà kỹ nghệ Gary xây dựng cho dân thợ ở miền nam Chicago.

Phương pháp đó mục đích sát nhập trường học vào hoàn-cảnh xã-hội và rèn cập con trẻ thành những phần tử có giá-trị trong đoàn-thể chúng sống sau này. Phương pháp đó rất chú-trọng đến khoa thủ-công không phải mục đích để dạy nghề mà để mở mang trí-thức về thực tế và công việc trong xã-hội. Vì thế, người ta nối liền việc thủ công vào đời sống ở trong nhà và ở trường : việc làm vườn, việc trông nom nhà cửa, chế tạo các đồ thường dùng, việc bếp nước, việc giữ gìn các lớp học, chữa các đồ đạc trong trường.... Theo lối dạy ấy, trẻ con trong lúc học cảm thấy đã làm những công việc có ích và để hết tâm hồn vào đấy.

Sự chung đụng với cuộc đời lại còn làm cho chúng yêu quý trường học và thấy vui thích trong sự học.

■

NÓI tóm lại ở ba nước cộng-hòa dân - chủ, nền học nhân-bản làm nền tảng cho hai khoa sư-phạm, khoa chủ ở lý - tri (nước Pháp), mục đích là nung rèn trí-não và khoa chủ ở sự hoạt - động (nước Anh và Mỹ) mục - đích là nung rèn tính - khí Khoa trên hun - đúc cá nhân thành người hiểu rộng, biết xét và phán đoán (type de l'homme qui p[illegible] khoa dưới hun đúc thành người hoạt - động, [illegible]oc thực - tế và thích mưu - đồ những công việc lớn (type de l'homme d'action).

Trong phần thứ hai, xét đến nền giáo-dục ở các nước chuyên-chế, ta sẽ thấy ở những nước đó, chủ-nghĩa quốc-quyền dùng khoa giáo-dục làm cái lợi-khí để nung rèn những tên lính mạnh và trung thành với một chính - thể (type du soldat politique). *(Còn nữa)*

VŨ ĐÌNH-HÒE

VỀ CHUYỆN MỘT CHIẾC VA-LY MỚI

của NGUYỄN TUÂN

Đi để viết. Viết để lấy cái mà đi.» Tôi nhớ đâu một lần tôi đã cho một nhân vật trong một truyện viết của tôi nói một câu như thế. Câu văn ấy thực đã vận vào tôi như một cái triệu của nghiệp dĩ.

Cầm xong cái số tiền tiềm tiệm ấy của một nhà xuất bản còn trứng nước trong nghề buôn văn đưa trả quyền tác giả của tôi về một cuốn sách đã lên máy in được vài chục bát chữ rồi, cái việc tiêu tiền tôi nghĩ ngay là đi mua thêm một chiếc va-ly nữa. Đối với một người còn thích chạy lăng băng suốt cả năm như tôi thì mấy va ly mà chẳng vừa. Chỉ sợ không mang theo được hết và giữ được lấy trọn đời thôi.

... Năm nay tôi lại định đi xuôi vào miền trong nữa và nếu cái cảnh Lâm Viên xứ Tây kỳ ấy vẫn là hay thì tôi ở luôn mãi, chẳng cần lộn trở về cái đất Bắc nhiều oan nghiệt này mà làm gì nữa. Ở đây nhiều người trong chỗ cố giao đã chán tôi lắm và tôi cũng đã lấy làm ngán nhiều cho vô khối người trong cái đám tri kỷ rồi. Hỡi ôi, đáng tri kỷ—cái bậc hiểu rõ mình nhất—thường lại chỉ tìm thấy ở phía thù địch thôi, Xuân Phương ạ. — Đi đi. Lâu nay, không đổi chỗ, ở lỳ mãi Hà-nội bực bội này, lòng tôi hèn quá rồi. Trong mấy ngày liền, tôi đã nhớ đến Xuân Phương luôn luôn cùng một lúc với bài thơ « Thỉnh Du » :

Ô mon enfant, ma sœur
Songe à la douceur
D'aller vivre là-bas ensemble
. . . . . .
Au pays qui te ressemble...

Tin chắc rằng [illegible] này trốn được vào chỗ rừng già đất đỏ ấ [illegible] sẽ tìm thấy một cái gì quý báu, tôi sẽ sáng suốt nhận rõ được cái bản ngã tôi hơn, tôi đã muốn bắt chước một nhà thơ đau khổ nọ, mỗi buổi sớm ngửa mặt lên cái vòm cao xanh lồng lộng mà cầu nguyện một đấng Sáng Tạo rằng... lạy đức Thượng Đẳng, lạy đức Chí Tôn Chí Linh, xin Ngài ban cho Con mỗi ngày một đặc ân là lúc nào cũng phải gieo được lấy một vần thơ đẹp để cho Con cảm thấy Con không đến nỗi là một kẻ mạt lưu trong xã hội loài người và thứ nhất là để cho Con vẫn được có chút quyền đặt mình Con lên trên những người Con khinh bỉ.

■

Đã có nhiều người bạn tìm đến đòi xem chiếc va-ly mới của tôi. Xem chưa đủ, họ còn ngửi nữa và kêu rằng cái mùi da bò thuộc ấy vẫn còn ngái lắm, hăng lắm, cần phải có những trận gió đường trường thổi vào cho nhiều thì mới hả hết cái mùi tanh nồng và mới dùng được. Họ chê mùi da, họ lại chê cả đến màu da nữa. Những là sáng quá, tươi quá, sạch quá, thiếu mất cái đẹp của phong trần. « — Các anh ngắm cái va-ly mới nhẵn nhụi, sạch bóng, chưa được thụ phép giang hồ, chưa được gió mưa của Khởi Hành tẩm cho ít bùn ít bụi, các anh nghĩ đến gì ? Tôi nghĩ đến những đứa con trai sợ sống chỉ dám lần quất ở nhà, mỗi đi ra ngoài là sợ xểnh nhà ra thất nghiệp ; tôi nghĩ đến những cái bộ mặt phốp pháp trắng trẻo ấy, vậy mà khối người ở cái xã hội quá bình dị ở đây còn khen là đẹp. Đấy, tôi đã nghĩ đến những cái bộ mặt hưởng thụ, đầy đủ, bấm được ra sữa ấy, khi tôi đứng trước cái va-ly mới quá, sạch quá này. Này. chủ-nhân chiếc va-ly, nên nghe ta dặn : nếu chưa có dịp lên đường, thì nên lấy ngay ít nước trà tầu hoặc cà-phê đặc tắm cho vỏ va-ly và bôi thêm ít vệt dầu máy vào cái mặt da mới. Có những vật chỉ cũ mòi đi thì mới có giá. Xách một cái va-ly mới rất sạch lên tầu, tức là góp một cái ngây thơ đáng tức cười vào một cảnh xô bồ phiền phức. Sự trái ngược ấy chỉ đem lại rất nhiều xấu hổ cho những thằng bòn ba biết quý chút phẩm giá của giang hồ như tụi ta. Ai mà chịu đựng được một cái mặt chiến sĩ mà không có sẹo ? Ai mà dung được một tiểu sử quốc sự phạm không chút kỷ niệm lao tù lẫn trộn vào ? Ai mà hứng thích được trước một cái hộp hành lý bóng như chùi ? Cái va-ly, sinh vào đời, đâu có phải là để sống với nghi lễ của Vệ Sinh giữa cảnh bài trí yên nghỉ của một phòng khách ấm áp mát mẻ. »

Tôi bắt đầu có cảm tình với cái người bạn mới gặp kia vừa nói được những câu như thế.

Lại một bậc kỳ tài trong việc Xê Dịch chăng? Lại một đấng lão giang hồ chăng? Không giang hồ, không bôn ba, sao nói được những câu khôn như cái khôn của người sắp từ trần như thế? Sách vở nào mà chép được những nhời ấy, chỉ có cuộc đời rộng rãi, chỉ có trường đời vô thường định mới dạy cho người ta biết được những câu đẹp đẽ một cách quái dị như thế thôi. Tôi sắp cầu thân với người bạn nhất kiến thì một ông bạn văn đã chen vào:

— Nếu chuyến này có vô trong ấy, gắng viết lấy một cái gì áng chừng độ ba trăm trang. Cái va-ly đẹp nhất ở cuộc đời này vẫn là một cái va-ly chứa toàn bản thảo của những năm, tháng đi làm việc thui thủi ở phương xa trở về.

Bạn tôi là một nhà phê bình chỉ ngồi một chỗ để rình mò xem quanh mình có xảy ra một cái thiên tài nào thì ông tố giác với quần chúng, hoặc có một cây viết thần đồng nào có tương lai thì ông lôi ra và gửi gấm cho người cùng thời. Ông chỉ viết và ngồi chờ dịp để phát minh những giá trị tinh thần mới, chứ ông sống ít lắm. Ông sống với sách, với không khí buồng sách. Tôi sống với ngoài đường, với những người đi trên đường, với cái luân lý của người bộ hành. Mỗi người có một lẽ phải riêng để tin cái sống của mình là đúng. Chúng tôi thân nhau, sơ nhau, gần nhau, xa nhau cũng chỉ vì có bấy nhiêu chênh lệch. Đến ngay những cái sở thích linh tinh, chúng tôi cũng không giống nhau. Đã mấy lần bạn tôi chỉ cây bút máy, hộp cà-vát, cây gậy trúc và lũ va-ly của tôi mà kêu la rằng tôi xa xỉ quá, hoang quá, « những vật này, có phải sắm đến, miễn sao dùng cho được việc thì thôi. Lọc chọn lắm, chỉ là phí phạn, vô ích. Tốn thời giờ. Tốn tiền ».

Tôi không chịu kém, chỉ cái tủ sách bề thế của anh:

— Cái bộ Bách Khoa Tự Điển gần hơn hai mươi tập kia, gáy da mạ vàng, cạnh thếp vàng, kể cũng đáng gọi là một lối chơi xa xỉ. Cuốn sách tốt có cần gì phải là đẹp và mới. Có lẽ nó càng cũ rách càng là có giá.

Chúng tôi cả cười và khen lẫn nhau là đều có tài ngụy biện.

Mấy buổi liền liền, động ra đường gặp lại người quen, là y như được người ta hỏi mình rằng: « — Kìa, thế vẫn chưa đi à? » — « Sắp sửa. Cũng mai hay ngày kia chi đó thôi. . .

. . . . . .

Về nhà ngắm lại cái va-ly mới, tôi thấy còn phải ở lại đây thêm một ngày nào là chỉ thêm ngại ngùng bẽ bàng. Một đêm hè ấy, lòng tôi cũng oi ả chẳng kém gì cái bầu trời mùa viêm nhiệt. Khoảng không im vắng; không một đợt gió ngoài trời. Trên đỉnh đầu trời trong gắt và trăng sao vằng vặc, gợi đến cái bầu trời các miền Nam. Tôi ngủ để mở cửa, để buổi sớm trở dậy, tôi nhận thấy tôi vừa bị mất trộm. Vài bộ quần áo thôi. Cái người thầy bói hôm trước đã bảo tôi là tháng này, thế nào cũng thất tài. Tôi tự an ủi tôi rằng thôi! có khi của lại đi thay cho người và cái tên đạo trích đó sẽ ốm đau thay hộ tôi. Nhưng phiền một nỗi là bây giờ lấy cái gì mặc vào người để mà lên đường! Cái điều kiện quần áo vào những kỳ lữ thứ, ở cái thời đại . . . này lại còn là cần hơn là việc ăn và việc ở. Chẳng cần phải làm người đại lữ khách mà một du tử soàng soàng cũng phải nhận thấy sự thiếu quần áo lúc đi xa là một việc thất sách làm dảm mất cái sức đổi chỗ của mình trên đường. Tôi đang cậy người ta may vá thêm cho tôi chưa xong thì lại tiếp đến việc một người bạn gái ốm suýt chết. Ấy là một cái kỷ niệm giang hồ cũ mà cái bổn phận tình cảm của tôi không cho tôi ngơ được. Nghĩ đến câu « sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô nhan » mà lúc này tôi lại muốn có được lấy một chút thân danh của một người chủ thầu mặc dầu tôi vẫn hiểu tôi là dối tính, deo con toán suốt đời chỉ có như là người ta deo vẫn thơ thôi.

■

Đã có khối bức thư ở miền trong hồi âm ra, giục tôi sao mãi mà chưa thấy vào. Họ chờ mãi, vò rượu đã đem sé lẻ ra mà độc ẩm và gà chó đã chết dần trên bếp lửa. Tôi lại mở chiếc va-ly mới một lần nữa, dòm nghé vào thấy không còn thiếu một thức gì. Thuyền tôi sắp nhổ neo được rồi. Thú vậy ôi. Vẫn còn ở Hà-nội mà lòng tôi đã thấy xa hẳn chốn này. Và chưa chi mà tôi đã thấy nhớ Hà-nội, nhớ phố Hà-nội, nhớ người Hà-nội. Kỳ diệu thay! những cái phút sắp được khởi hành. Tôi phải cái tật là chỉ yêu được trong sự thương tiếc, tôi phải cái bệnh là chỉ sướng được trong sự khuất xa vắng.

...Vậy mà một buổi sớm ấy, tấm lòng đi của tôi đã chùn hẳn lại. Tôi vừa nhận được một tin buồn đem lại từ một cảnh nhà. Đứa con trai rốt lòng của tôi đã chẳng được làm người nữa. Nó bị trúng phong, chết đã hai hôm rồi và từ hôm kia người nhà tôi đi tìm tôi cứ long vỡ cả Hà-nội lên.

(Xem tiếp trang 33)

CẢM TƯỞNG CỦA CHÚNG TÔI
đối với Trại thanh-niên Bằng-trì

của PHAN-QUÂN

LẬP trại thanh-niên, là một phong trào hiện nay đương làm chấn động nước Pháp phục hưng — Phong-trào này đã lan tới Đông-dương và đã được nhiều người chú ý Trong mấy tháng gần đây, đã có biết bao nhiêu cuộc hội họp, biết bao nhiêu bài nghị luận bàn về vấn đề trại thanh-niên, phong-trào thanh-niên!

Trong khi đô thị lặng-lẽ trên bờ bể Đông xanh biếc, giữa một rừng thông lịch-mịch, không trống không kèn, một trại thanh-niên đã thành lập: Đó là trại thanh-niên Bằng-trì do Tổng-hội sinh viên trường Đại-học lập ra.

Trại Thanh-niên Bằng-trì cách Sầm-sơn độ 6 cây số; cũng như Sầm-sơn, Bằng-trì có bãi biển, có rừng thông. Nhưng đừng vội tưởng Bằng-trì chỉ là một chi-điểm của Sầm-sơn! Trái hẳn — Sầm-sơn có lâu-đài tráng-lệ, Bằng-trì chỉ có mấy túp nhà tranh, Sầm-sơn có đường rộng, phố to, Bằng-trì ở giữa nơi cỏ hoang lau rậm. Một bên là nơi nghỉ mát của bọn phong lưu trưởng-giả. nào cao-lâu, nào tửu điếm phấp phới quần lụa áo mầu, một bên là nơi thao luyện của tuổi trẻ cần lao chân đạp đất, đầu đội giời, rèn đúc tinh-tình chí-khí.

Quả vậy, chúng tôi ở Hà-nội vào Sầm-sơn dễ bao nhiêu, thì từ Sầm-sơn đến Bằng-trì khó bấy nhiêu.

Qua rừng thông, đến rừng cấm, rồi men bờ sông Mã khi đi trên cát. khi lội xuống lầy, một quãng ước non một cây số mới đến bến đò ngang: mà từ bến đò cũng phải lội nước, vì nước cạn, đò không thể ghé giáp bờ.

Đò qua cửa sông Mã rộng độ một cây số; lên bờ còn đi độ 2 cây số nữa mới tới trại Bằng-trì.

Vừa lúc anh em đương thao luyện ở sân thể-dục. Chúng tôi tuy đi mệt, nhưng gặp anh em. quên cả mệt, mà trái lại, hình như cảm thấy một cái sức mạnh thiêng-liêng truyền sang chúng tôi: những bắp thịt vạm vỡ, cái nước da đen hồng làm cho chúng tôi sửng sốt. Mới 15 ngày, trước đây, nhiều anh còn tha thướt [illegible] thì dạ như anh Phú và anh Chất.

Anh Dương-đức-Hiền, trại trưởng dẫn chúng tôi xem qua sân vận động rộng 2500m do anh em kiến tạo lấy: nào cây đu, nào bia bắn, nào đường tập chạy xa, nào sân nhảy giải: trong ngót mười hôm mà một cảnh ruộng lầy đã thành một trường hoàn bị. Ấy là chưa kể mấy mẫu ruộng do anh em đương cầy cuốc vun giồng — Hoạt-động như thế trách gì không khỏe.

Ngoài công việc cầy cuốc, thao luyện ở trường vận động, và bơi tắm ở bể, anh em còn chú ý về phương diện tinh thần: mỗi ngày vài giờ đọc Việt-sử Nho-giáo và những sách khích-thích chí tiến thủ của thanh niên.

Tối, anh em tổ chức những cuộc diễn thuyết để tập ứng đối, biện bác.

Nơi ngủ, cách ăn nhất thiết họ đều xếp đặt lấy: chỉ có mượn một người cung cấp vật liệu mà thôi.

Cách sinh hoạt rất vui vẻ: tôi còn thoang thoảng bên tai những tiếng hát trong trẻo, hùng dũng của anh em lúc tiễn chúng tôi về: tiếng hát họa với tiếng thông reo, tiếng sóng vỗ nghe như tiếng kèn khởi hoàn của một đội binh thắng trận: mà quả vậy: Bằng-trì là nơi mà tính chất phác tràng hùng đã đánh tan tính phù-hoa ủy-mỹ.

Nhưng điều khiến chúng tôi chú-ý nhất là tinh thần kỷ luật của anh em. Ở trường anh Dương-đức-Hiền chỉ là một người bạn, một người bạn ít tuổi hơn nhiều anh em khác. Ở đây anh là một người cầm đầu: có uy-quyền, có trách nhiệm. Mệnh-lệnh của anh được anh em thận-trọng tuân theo.

Chúng tôi nhận thấy rằng anh em trong trại, không những vui lòng mà chịu theo kỷ luật, mà lại còn coi sự phục tòng đó như một cái vinh dự; họ quên hết cái tư ái của cá nhân, họ không phân biệt anh nọ với anh kia, họ chỉ biết 18 đấng thiếu niên đều là phần tử của một đoàn-thể, mà họ đề danh-dự đoàn thể lên trên hết tất cả quyền lợi của cá nhân.

Trong khi chúng tôi nói truyện với anh em, một anh bảo tôi rằng: «Anh trại trưởng rất nghiêm khắc, nhưng thế mới phải» — anh vừa nói vừa lộ một nụ cười rất tự đắc, nụ cười của một người tôn sùng danh-dự, mà có thể hi-sinh chođoàn-thể.

Tình đoàn-thể của anh em làm cho chúng tôi rất cảm động; và nhớ lại những cuộc hội-họp thanh-niên bên Tây Âu mấy năm trước đây: tôi tự hào rằng anh em nhà cũng không hổ thẹn.

Tình đoàn-thể của anh em Bằng-trì chắc đã làm cho nhiều người cảm động và cảm phục. Tiếp chuyện với ông Định một người thiếu niên doanh nghiệp chủ đồn điền Bằng-trì đã cho anh em mượn đất lập trại, chúng tôi nhận thấy ông đối với anh em Bằng-trì không lấy lễ chủ với khách, mà theo tình thân thiết bạn bè: tiễn biệt chúng tôi, ông có nói: «Giúp anh em lập trại, là bổn phận của chúng tôi, bổn phận của một người thanh-niên đối với toàn-thể thanh-niên.»

Chúng tôi mong rằng giây ấy còn nhiều người nối; với số dân hai mươi nhăm triệu đồng bào, giây ấy hẳn còn giài.

ĐỨA CON

Tiểu - thuyết của

ĐỖ ĐỨC - THU

(Tiếp theo)

TƯỞNG đến Huy, Quì thấy tim đập bớt mạnh; một làn gió mát như mới thoảng qua cân não đang bừng bừng. Huy là bạn học của Chất, anh Quì, từ hồi nhỏ. Nay Huy đi học xa, nhưng thỉnh thoảng vẫn có dịp về, và vẫn thường lại chơi. Đó là một chuyện rất thường, nhưng các bạn gái lại đặt điều ra, cho rằng Huy năng lui tới vì Quì. Sự thực, Huy chỉ coi cô như một người em gái. Họ bảo Huy kín đáo, thâm trầm. Quì chỉ thấy Huy hiền hậu, vui chuyện, nhưng có một lối nói chuyện lắm lúc đến sống sượng, làm cô phải bực mình. Nhiều khi câu chuyện như một cuộc đấu khẩu mà bao giờ cô cũng phải thua. Quì hằn học, nhận rằng không bao giờ cô tìm được lẽ gì để cãi Huy. Những điều cô muốn nói, anh chàng như đã biết trước cả. Có khi Huy chỉ nhìn cô, là đủ cho cô luýnh quýnh, mặt đỏ dần và câu nói không ra khỏi môi. Quì lại tức thêm. Anh chàng lại đã sẵn một câu vui vẻ; Quì cười, Huy cười để lộ hàm răng to và trắng, nỗi bực mình tan đi.

Nhiều lúc Quì nghĩ: « Giá Huy đứng đắn, lịch sự hơn tí nữa... » Quì mong cho Huy bỏ dáng riễu cợt, tinh ranh mỗi khi nói chuyện với mình. Các bạn gái tưởng cô và Huy đã có chuyện thân mật. Họ thường dùng những lời ú ẫn nói đến, và lại như có ý ghen. Quì thấy vui vui trong lòng, không muốn cãi, cứ để cho họ tưởng lầm như vậy.

Các ý nghĩ chờn vờn trong khi hai chân Quì vẫn bước. Đến vườn hoa, Quì thấy mỏi. Một cảm giác chán nản lại càng làm mệt thêm. Quì ngồi xuống một chiếc ghế xi măng, ngả lưng ra nhìn lên trời. Mặt trăng đã gần đỉnh đầu, bóng mọi vật thu gọn lại. Bấy giờ Quì lại càng thấy đêm khuya, và chung quanh vắng quá.

— Cô ngồi chơi mát?

Quì đứng phắt dậy. Suốt đời Quì chưa có sự gì làm cô hoảng hốt hơn một tiếng người lúc ấy. Từ bóng tối một gốc cây gần ghế, một hình người mặc đồ trắng tiến lại. Quì hoa mắt, bàn tay run run nắm chắc lưng ghế. Hình người lại gần cô, cất tiếng cười, để hở hàm răng trắng bóng:

— Cô ngồi chơi mát. Cô quên tôi rồi à?

Quì nhận ra Huy:

— Anh làm tôi sợ quá!

Quì ngồi xuống, tiếc ngay câu vừa hoảng hốt thốt ra. Việc gì mà sợ?

— Tôi thấy một người con gái đi lại, không ngờ là cô. Cô mải nghĩ gì thế?

— Không, tôi có nghĩ gì đâu.

— Thế thì càng hay. Tôi cứ tưởng cô đang băn khoăn một chuyện gì, nên đi xát qua mà cô không nhận thấy tôi.

Huy ngồi xuống ghế, bên cạnh Quì. Trong khoảnh khắc, Quì nhận thấy mình đang ở một trường hợp oái oăm. Một đôi trai gái trong một vườn hoa, dưới bóng trăng khuya. Huy chưa vợ, còn cô thì đã sẵn bị bạn gái nghi ngờ. Nếu ai trông thấy, họ sẽ khảo nhau, chỉ trong vài ngày là chuyện đã vỡ lở ra khắp phố. Lúc bấy giờ thì dù trăm miệng cũng không cãi nổi.

Giá Huy với cô thực có tình ý gì thì câu chuyện lại ra thế khác. Cô đã không đến đây, hoặc có đến thì cũng tìm một chỗ kín đáo hơn. Vườn hoa thiếu gì bóng tối che lấp được hai người, chẳng hạn như chỗ Huy ngồi khi nãy, cô đến gần mà không trông thấy. Nhưng Huy và cô lại ngồi cái ghế trống trải nhất, mặt trăng chiếu rõ mồn một. Dưới chân ghế, hai cái bóng chỉ cách nhau có mấy gang tay.

Quì nhìn quanh một vòng, đứng dậy. Huy hỏi:

— Cô đi đâu đấy?

— Tôi đi về.

— Cô về à? Chết chửa, tôi vô ý quá. Nếu cô có việc gì ở đây, chẳng may gặp tôi làm phiền cho cô, thì không sao. Cô để tôi về vậy.

Huy đứng lên. Quì chừng mắt nhìn Huy:

— Anh nói cái gì thế?

Giọng nói của Quì tỏ ra rằng cô đã bị súc phạm vì câu nói vừa rồi. Huy [illegible]n tồn:

— Nếu không pha[illegible] thì thôi, tôi xin lỗi cô. Nhưng không lẽ tự nhiên cô lại ra đây lúc khuya khoắt này, ở một phút rồi về. Bình thường cô không hay đi chơi tối. Chắc phải có một cớ gì khác thường: chẳng hạn một truyện khó nghĩ hay một cuốn tiểu thuyết.

Huy tò mò nhìn Quì. Hai con ngươi anh chàng như đen thêm, bóng thêm, nhảy nhót một cách ranh mãnh, riễu cợt trên một khổ mặt trắng trẻo và thông minh. Quì không biết nói sao. Cô cũng

có người tâm phúc, để thổ lộ được những điều đang đè nén tâm hồn cô, cho bớt nỗi nặng nề. Huy đâu phải là người ấy. Mà những câu truyện ấy không t..ề nào để Huy nghe được.

Tưởng Quì hãi còn tức dận, Huy tiếp :

— Không phải thế thì thôi, việc gì cô phải bực bực mình. Dễ bực mình như thế thì đời người mấy chốc mà già, mời cô hãy ngồi chơi một tý đã.

Quì nghĩ rất mau : « sợ gì mà không dám ngồi », rồi ngồi xuống ghế Huy cũng ngồi xuống bên cô, hai cái bóng cách nhau xa hơn trước.

— Tiếc rằng đây không phải là nhà tôi, để được hân hạnh mời cô một chén nước trà. Giá mời cô lại chơi nhà thì chắc không bao giờ cô chịu tới. Được gặp cô lúc này, thực là hãn-hữu.

Quì thấy Huy riễu cợt mình, cái câu sáo ấy không có nghĩa lý gì cả. Cô tiếc rằng đã đến đây. Bây giờ về cũng dở, càng thêm cho Huy ngờ vực, mà ngồi lại thì sợ có người bắt gặp. Quì bồn chồn, luôn luôn nhìn chung quanh. Huy nhận thấy dáng điệu ấy :

— Cô đừng sợ có ai qua đây lúc này. Những người già thì đã ngủ kỹ cả. Còn các cô, các cậu . . . . . .

. . . Họ ra đây làm quái gì.

Quì đang ngồi chịu chuyện. Anh chàng đã hay mỉa mai, bỡn cợt, thì cô sẽ mỉa mai, bỡn cợt hơn cho bõ ghét :

— Thế anh ra đây làm gì.

Huy cười, cái cười nó đã lắm lúc làm cô lộn ruột :

— Cô có thấy câu hỏi ấy tò mò quá không ? Tôi cũng có thể hỏi cô một câu như thế. Nếu tôi hỏi, thì cô trả lời thế nào ?

Quì im, nhìn hai cái bóng dưới chân. Thật ra cô cũng không biết trả lời thế nào cả. Cô chăm chăm nhìn cái bóng đen, cho đến lúc cái bóng thành có một đường viền trắng.

— Lẽ tất nhiên là cô không trả lời được. Dễ thường chính cô, cô cũng chẳng biết ra đây làm gì. Nhưng nếu cứ hỏi lẫn nhau mãi thì không thành câu truyện gì cả. Phải không, cô ? Để tôi xin trả lời : tôi ra đ[illegible] nghĩ tiểu thuyết.

Một nụ cười tự nhi[illegible] môi người con gái.

— Anh cũng viết tiểu thuyết kia à ? Chắc là hay lắm đấy nhỉ !

Câu trả lời đến ngay :

— Hay hay không, còn phải đợi lúc viết xong. Nhưng nếu người đọc ai cũng như cô, và theo những sách tôi thấy ở đằng nhà, thì họ cũng không khó tính lắm, và chẳng cần phải viết hay mới có người đọc.

Thế là câu truyện lại đầy ý nghĩa châm biếm, lại sắp như một cuộc đấu khẩu. Huy đã sẵn những câu để trêu tức cô. Cô nói một câu gì chua chát, là thấy ngay câu trả lời chua chát hơn. Quì thấy mình bao giờ cũng bị thua, lại càng thêm bực. Thực ra cô vẫn muốn câu truyện đứng đắn, thân mật hơn, nhưng Huy như đã rắp tâm phản đối cô, bất cứ về một ý gì.

Huy đã đổi giọng :

— Ừ nhỉ, tại sao tôi lại không viết tiểu thuyết ? Tôi thấy có nhiều truyện, nếu viết ra thì cũng hay hay, chẳng hạn như dưới bóng trăng, trong một vườn hoa, có một đôi trai gái ngồi nói chuyện.....

Huy ngừng lại. Quì ngong ngóng chờ Huy nói tiếp. Có lẽ lúc này anh chàng thật lòng, dùng lối gián tiếp ấy để thổ lộ chân tình. Còn lúc nào thích hợp cho bằng lúc này. Quì chắc Huy đang nhìn cô, thấy vướng ở mang tai. Cô không dám ngẩng lên. Cô nhìn cái bóng đầu người con trai sát lại đầu cô. Quì thấy hồi hộp và vui vui, như sắp được một cái gì mong ước từ lâu. Giá lúc ấy, hai cái bóng chập lại... Đầu người con trai lại cách xa.

— Ví thử cô viết tiểu thuyết, thì cô cho là thế nào ? Hai người ngồi thế thì có những truyện gì ?

« Đây chắc là anh chàng thử mình », Quì nghĩ. Nhưng dại gì mà lại nói ý của mình ra, người đàn ông bao giờ cũng phải ngỏ lời trước. Nếu Quì nói ý cô ra được, thì sẽ là cả một truyện dài. Cô ngẫu nhiên nghĩ đến những t uyện đã đọc, có những cảnh đã làm cô trằn trọc thâu đêm.

Tiếng cười của Huy đã lanh lảnh :

— Chắc cô cho là có truyện êm đẹp lắm. Thôi thì tình ái, mơ mộng, âu yếm, đủ cả. Phải không, cô Quì ? Tôi, thì tôi nghĩ khác lắm. Tôi viết thế này : chẳng có truyện gì cả.

Một cái gì mới tan vỡ. Quì đứng dậy :

— Anh nói nhảm lắm.

Ông đứng lên theo :

— Ô hay, thì không phải thế là gì ? Cô xem từ nãy đến giờ có truyện gì không ? mà giá có ai bắt gặp mình lúc này thì họ nghĩ khác lắm. Sự thực đâu có phải thế. Hay cô không muốn nghe chuyện ấy thì thôi, nói chuyện khác vậy. Tôi mới về nghỉ được mấy hôm nay, chưa kịp đến đằng nhà. Anh Chất dạo này có hay về chơi không, cô ?

Quì vùng vằng :

— Tôi không biết.

Người con trai đã đổi sắc mặt, một vẻ nghiêm nghị làm nét mặt cứng cỏi và già thêm. Bỗng Huy đặt hai tay lên vai Quì. Một sức gì đè mạnh xuống vai, Quì không hất nổi hai bàn tay ra. Huy nói :

— Cô Quì. Cô còn trẻ con quá, y như mấy năm về trước, hồi tôi còn hay đến chơi nhà. Vẫn tính dấm dẳn, cáu kỉnh ấy, không bao giờ nghe được

một câu truyện thực thà hay đứng đắn. Cô giống như các thiếu nữ tôi thường được gặp ở các tỉnh lớn, có nhớn chẳng có khôn, bao nhiêu ý nghĩ dồn vào những cái phù phiếm bên ngoài. Gặp người con trai, mà họ không tán tỉnh, thì các cô không bằng lòng. Nói thế chắc các cô giận tôi lắm. Tôi không dám mong cô hiểu tôi hơn, nhưng để một vài năm nữa, tôi mong sẽ lại được gặp cô. Bây giờ đã khuya, mời cô về, kẻo ai bắt gặp ở đây thì không tiện lắm.

Huy buông tay ra, quay đi. Quá vài bước, Quì liếc lại thì thấy anh chàng đã ngồi xuống ghế. Quì muốn quay lại, nhưng lòng tự ái của cô đã bị thương tổn mạnh quá.

Huy coi cô là trẻ con. Một người con gái đã tự phụ là có tư tưởng, biết suy nghĩ, đã được người ta khen là khôn ngoan, bỗng thấy một người con trai cho vào hàng con nít. Quì không chịu được ý ấy, liều thuốc không trôi.

Nghĩ lại, câu truyện vừa rồi cũng không lấy gì làm gay go, để kết liễu một cách như vậy. Đã biết tính Huy, đã biết anh chàng cố ý tròng nghẹo mình, sao cô còn bực mình ? Đã nhiều lần, cô vui vẻ tiếp truyện những người bạn ranh mãnh, cả đến bạn trai. Cô vẫn tươi cười, không hề phiền lòng vì họ. Tại sao lúc nói chuyện với Huy, cô lại không điềm tĩnh ?

Mà tại sao Huy lại không lịch sự, lễ phép với cô ? Mấy người quen biết Huy, đều khen anh chàng lịch thiệp, vui vẻ. Quì chỉ thấy Huy đáng ghét. Nét mặt cứng cỏi, lời nói không bao giờ chân thật.

Quì muốn quay lại. Quì bực mình, tiếc rằng đã không nói được lời cuối cùng, không ở lại để cho anh chàng biết rằng cô không sợ ai, không trẻ con như anh chàng tưởng, và nhất là nói cho biết rằng không bao giờ thèm gặp, thèm nói chuyện với anh ta nữa.

Hai chân Quì vẫn bước. Quì nhận ra rằng đã đi xa vườn hoa, và đi hấp tấp như muốn tránh một người theo. Cô từ từ bước và quay nhìn lại : vườn hoa chỉ còn là một đám cây thu nhỏ lại. Quì nhìn kỹ tìm hình Huy, nhưng không thấy. Cô uể oải bước.

Về đến nhà, bà Mậu mở cửa. Lần đầu tiên, Quì nhìn chị như một người dưng. Một sự gì đã làm mất tình chị em của hai người.

Bà Mậu hỏi :

— Cô đi chơi đâu mà về khuya thế ?

Quì không trả lời, cởi áo giài vứt lên tay ghế, rồi vào buồng. Qua giường bà mẹ, Quì thấy tiếng quạt đập. Mẹ và chị chắc có nói chuyện khuya.

Gian buồng nhỏ nhắn, kê một bộ ghế ngựa. Phía chân ngựa, sát tường, có vài chiếc hòm da, một cái tủ con và chiếc mắc áo. Đồ đạc suềnh soàng, không một thức gì đắt tiền, nhưng có một vẻ ngan nắp, ấm cúng. Buồng ấy của riêng Quì nên cô ưa sửa sang ; thức gì trông cũng gọn gàng, sinh sắn, từ cái áo gối trắng tinh ở góc có thêu tên cô bằng chỉ màu, đến mấy chiếc ảnh con trên mặt hòm, cạnh mấy quyển sách xếp ngay ngắn.

Đã nhiều lần, Quì mơ màng một gian buồng đẹp đẽ, lịch sự hơn. Tường quét vôi màu, có tranh ảnh lồng kính. Một chiếc giường kiểu mới, có đệm gối hẳn hoi. Ánh điện sẽ thay cho ngọn đèn hoa kỳ lù mù. Trong cảnh ấy, Quì lại tưởng tượng đến một người con trai cùng cô chung sống. Không hiểu sao, mỗi lần nghĩ đến điều ấy, thì Quì lại phảng phất nghĩ đến Huy.

Bà Mậu theo chân Quì vào buồng. Những ngày bà xuống chơi, bà ngủ chung với Quì. Nhưng bây giờ, một người đã có chồng và một cô con gái, không còn có những truyện dủ dỉ như xưa. Quì không còn thấy cái thích nằm chung với chị. Hai người thường ngủ ngay, hoặc có thức thì cũng nằm im, mỗi người theo một ý nghĩ riêng.

Bà Mậu lên giường. Quì đứng nhìn ngọn đèn, như bị thôi miên. Bà Mậu nói ra :

— Khuya rồi, cô đi ngủ thôi chứ ?

Quì chợt tỉnh, vặn nhỏ ngọn đèn, đi lại cạnh giường, chân đá vào guốc bà Mậu. Quì lên giường, nằm quay lưng lại chị. Một lúc lâu, bà Mậu nói :

— Buổi chiều, để đã nói chuyện gì với cô chưa ?

Quì trở mình nằm ngửa nhìn lên đỉnh màn. Người nọ như nghe thấy trái tim người kia đập.

— Cô nghĩ thế nào ?

Quì nín thinh. Bà Mậu im một lúc, sửa soạn những câu đã định từ trước. Rồi bà nói rất nhiều. Đại khái những lẽ để thuyết phục Quì lấy Mậu, những lẽ tương tự như của bà mẹ lúc chiều, mà bây giờ Quì nghe thấy bớt chướng tai. Bà Mậu vẫn nói, giọng nho nhỏ chỉ đủ lọt vào tai cô em bên cạnh. Công việc thành hay không, chỉ quyết định trong giây phút này. Bà Mậu biết rõ nhược điểm của em gái hơn mẹ. Câu chuyện tuy xếp đặt sẵn, đã nhẩm đi nhẩm lại nhiều lần, nhưng lúc nói đến cảnh nhà, bà Mậu cũng tự thấy cảm động một cách thực thà. Giọng bà ngẫu nhiên mềm và ướt. Thêm một lợi khí có lẽ bà không ngờ đến.

—.... Có lẽ phải bán ít ruộng nhà quê. Cả nhà ăn tiêu, khi giỗ ngày [illegible] trông vào cậu giáo. Để cũng đã già rồi, [illegible] phải lo ngày lo đêm. Cô chưa thành gia t[illegible] một điều cho để phiền lòng....

Trên vai Quì, chỗ Huy đã ấp hai bàn tay, vẫn thấy nặng và nóng. Quì thấy như tay Huy còn ở đấy.

—.... Lấy vợ, lấy chồng bây giờ là việc khó khăn lắm. Bọn con trai họ chỉ tìm chỗ sang giàu, của hồi môn nhiều, mà nhà mình thì thanh bạch. Nếu cô nhận lời vì chị, thì chị không bao giờ

quên ơn cô. Tình chị em càng thêm thân mật. Trước sau chị vẫn quí cô, và mong cho cô được nhàn hạ. Cô ở trên ấy, chị yên tâm ở nhà với đẻ, đi lễ đi bái cho qua ngày giờ. Vì chẳng giấu gì cô chị không mong sinh đẻ gì nữa....

Bà Mậu không hề đả động đến hai tiếng « lấy lẽ ». Tuy nói đến cảnh quẫn bách, bà cũng không để ngờ việc hôn nhân cô Quì là một việc bán buôn.

Quì vẫn nghĩ đến Huy. Huy đẹp trai, lại đương học trường thuốc. Những người như thế, làm gì mà chẳng lấy vợ đẹp, giầu. Quì thở giài một tiếng rất áo não, rồi, như trong một giấc mơ, cô nghe thấy tiếng mình trả lời người chị :

— Thì chị cứ bảo bà cụ trên ấy xuống.

Bà Mậu chẳn chọc thâu đêm. Bà nghĩ ngay cách hành động rất gấp, áy náy lo Quì đổi ý. Sáng hôm sau, bà nói chuyện với mẹ rồi đi sớm. Mấy hôm sau, nữa thì bà mẹ ông Mậu và hai vợ chồng cùng đến. Họ nói chuyện ở trong buồng, nét mặt người nào cũng có vẻ qnan trọng. Quì không dự vào những câu truyện ấy. Trong lúc mọi người bàn chuyện chung thân của mình, thì Quì ngồi bàn nhà ngoài, trước một cuốn tiểu thuyết để mở, như một con bò đứng góc chợ, trước nắm cỏ, khi bọn lái họp nhau một nơi đánh giá. Thỉnh thoảng, ông Mậu đi qua liếc nhìn Quì. Quì thấy Mậu ngu ngốc lạ, cô dửng dưng không chút cảm động.

Quì đã coi cuộc hôn nhân mình là một việc hy sinh. Quì đã rõ cảnh nhà, mẹ và chị đang mong cô gánh vác dùm. Tuy vậy, Quì cũng thấy tiếc rằng đã nhận lời, đã đem buộc chặt đời mình bằng một câu thốt ra trong lúc tâm thần hỗn loạn. Người chung quanh đã vin lấy câu ấy, cô không muốn, và cũng không thể ăn lời được nữa. Rồi mọi việc riêng sẩy ra mau chóng quá. Quì nhìn nó gấp rút bên cô, như một đứa trẻ ngồi nhìn chiếc đèn kéo quân tháng tám.

Quì còn mong việc không thành, một hy vọng cỏn con, nhưng cô cũng bấu víu vào. Quì mong người anh — Chất — đang dạy học ở xa, sẽ về phá cuộc hôn nhân không sứng đáng ấy. Nghĩ đến anh, cô lại chán nản, thấy hy vọng mảnh hơn sợi tơ. Chất không chút nghị lực gì, không bao giờ dám trái lời mẹ, tử tế với chung quanh đến nỗi không mếch lòng [illegible] từ những việc cỏn con. Chất chỉ biết đi làm [illegible] gửi về. Việc nhà, Chất đã hoàn toàn tùy mẹ [illegible] nom. Có lúc Quì đã bỡn anh : « Nếu em là đàn ông, thì em chẳng như anh. Đàn ông gì mà nhu nhược quá thế ? » Chất chỉ cười. Trông mong vào người anh như vậy, Quì thấy là một ảo tưởng.

Trong thư gửi cho Chất, bà Mậu cho là việc đã xếp đặt xong suôi. Xong suôi là phải : Cô đã bằng lòng, cả nhà bằng lòng, người anh còn dám nói gì ? Mấy hôm sau có thư trả lời của Chất. Chàng bận không về được hôm cưới, gửi lời mừng em

Tự đặt mình vào địa vị hy sinh, Quì thành buồn bã, thẫn thờ. Quì không muốn bàn tính một chuyện gì, cô không muốn nhìn ai, cả đến các chị em bạn thân. Xuốt ngày cô ở trong buồng, không đi đâu, không tiếp ai, không trả lời những bức thư sinh sản viết trên giấy màu của các cô bạn cho con ở mang lại. Cô tự thấy đã làm một việc to tát, tự buộc mình để vui lòng mẹ, lòng chị, một việc rất có vẻ tiểu thuyết. Quì bực mình thấy mọi người như không hiểu ý nghĩa hy sinh đó. Họ coi như cô lấy Mậu chỉ vì cô muốn lấy chồng. Cô tự an ủi rằng những việc cao xa, to tát mình làm, không cần để người nào hiểu, cốt là mình biết lấy mình. Quì tự cao thêm.

Bà mẹ thấy Quì thờ thẫn, buồn rầu, cũng đâm áy náy. Hoặc giả cuộc hôn nhân ấy không vừa ý Quì, bà đã vô tình ép con gái chăng ? Bà không có ý ép uổng, nhưng biết đâu, chẳng vì một vài câu nói của bà mà Quì nhận lời. Bà cụ nghĩ kỹ lại thấy lứa đôi ấy cũng có chút chênh lệch. Thấy mặt Quì rười rượi, bà cụ cũng ngượng một đôi chút. Việc đã không lấy lại được. Bà không dám nghĩ rằng đã vô tình làm hại con, bà bíu lấy cái ý đã gây dựng cho con được nơi sung sướng. Còn Quì thờ thẫn là vì thẹn. Lúc sắp lấy chồng, cô con gái nào chẳng thế. Hỏi bà còn con gái, lúc có người đến hỏi, bà còn xé rào chạy chốn sang hàng sóm, rồi xuốt mấy hôm sau, không dám nhìn ai. Bà chắc Quì bây giờ cũng như bà.

Bà cụ hỏi Quì :

— Người ta xin lo đấy. Ý con thế nào, muốn những gì thì bảo.

Quì trả lời rất gọn :

— Tùy ý đẻ. Con chẳng muốn gì cả.

— Con muốn gì thì cứ nói với đẻ, hay nói với chị con cũng được.

— Không, con không muốn gì cả.

Quì không ngỏ một sở thích gì, cho sự hy sinh hoàn toàn thêm. Thế mà hôm người chị đưa cô lên Hà-nội may quần áo cưới, Quì cũng thấy vui vui. Hai chị em đi mỏi chân ở các phố hàng Ngang hàng Đào, quanh hồ Hoàn-kiếm, vào các hiệu Bom-bay, hiệu tây đen chọn hàng. Quì tíu tít, phân vân, không biết lấy màu cốm dậm hay màu hoàng yến. Trước kia Quì vẫn mong có tiền may áo mới, đã chọn sẵn trong trí. Bây giờ là lúc may, thì cô không biết chọn thứ nào. Thức nào cũng đẹp, cũng dễ ưa, có thể làm chị em thèm muốn. Quì hỏi ý chị, bà Mậu trả lời :

— Tùy ý cô. Cô muốn may thức gì cũng được.

Bà nhìn em, âu yếm :

— Hay cô may cả mấy chiếc ấy, cho đỡ phải chọn. Rồi khi thích thứ nào thì mặc thứ ấy. Mau mau ta còn ra hàng vàng kẻo tối.

Ở một cửa hàng ra, hai chị em lại vào hàng khác, Quì vẫn chưa mua được gì. Giầy sát đã nóng chân, bà Mậu đi tập tễnh. Bà không phàn nàn, hết lòng chiều em, lòng sốt sắng đó thật đáng khen. Sau Quì cũng mỏi, mua mấy thứ cho xong, không còn thấy hứng thú như trước.

Đến hàng vàng, khi đeo ướm chiếc vòng vào cổ, Quì tự ngắm trong gương, nhìn thẳng, nhìn nghiêng, rất vừa ý. Bà Mậu mỉm cười, nụ cười rất sâu sắc. Bà đã tính rằng những thức sắm cho Quì, nhất là đồ vàng là vật không suy suyển, sẽ trở lại nhà mình, không mất đi đâu. Cái vòng ấy là cái giây da người ta buộc vào cổ con chó, để mắc cái sích vào đấy mà kéo đi. Con vật càng quí thì cái dây càng đắt. Lúc ấy Quì vui lắm. giá trị của cô tặng theo các vật quí giá cô mang trong người.

Sự sung sướng không được bao lâu. Về đến nhà Quì lại thấy chán. Quì cẩn thận xếp những thức mới sắm vào hòm. Trước kia Quì muốn có quần áo sang để hãnh diện với chị em, để tôn vẻ đẹp cho bọn con trai để ý. Bây giờ còn diện với ai? Quì không dám mang khoe chúng bạn, cô xấu hổ như dùng phải của bất chính. Thỉnh thoảng, lúc vắng người, Quì mở hòm lấy những thức đó ra nhìn, rồi thở dài đậy lại nắp hòm.

Thân cô đã thuộc về Mậu, Quì không thấy một chút tình cảm gì với người sắp làm chồng cô. Có lúc Quì lại thấy ghét, và ghét lây cả mẹ và chị. Ngẫu nhiên, Quì nghĩ đến Huy, đến đêm trăng ở vườn hoa. Quì so sánh hai người, Huy và Mậu, thấy chênh lệch nhiều quá. Quì càng thấy buồn, thấy chán, công việc cưới cô càng sắp đặt mau hơn.

Ngày cưới đến.

Những thiếp báo hỷ không có tên chú dể kèm theo bánh trái chia các người quen. Chỉ có mấy người thân thích đến ăn uống, rồi ngủ ngay đấy để tiện tiếp nhà trai hôm sau đến sớm, và đi đưa dâu. Bà Mậu đã về nhà từ mấy hôm trước để sửa soạn đón em. Mấy người hàng sóm, một hạng đàn bà hay để ý đến việc nhà người, sang chơi nhà Quì mong biết thêm về việc cưới xin ấy. Bà mẹ cô trả lời viển vông: « Vâng....tôi cho cháu đi ở riêng....người ta cũng tử tế, tôi chẳng lấy gì... vân vân ». Chưa ai rõ « người tử tế » ấy là ai.

Bà cụ hỏi ý muốn Quì, trong phút long trọng nhất đời cô. Quì lưỡng lự giây lát rồi cho mời mấy cô bạn đến phù dâu. Quì loay hoay mãi trước tờ giấy viết cho các bạn, không biết hạ bút ra sao. Quì như muốn kể hết tâm sự mình. Mãi Quì mới viết được mấy câu, ý nghĩa rất bối rối, làm mấy cô bạn ngạc nhiên. Họ đến, thấy Quì buồn rũ rợi, nước mắt chạy quanh, và tránh những câu hỏi tò mò của họ. Các cô không thấy không khí vui vẻ của các đám cưới khác, các cô phù dâu vui cười, chòng ghẹo cô dâu. Ở đây luộm thuộm, lật đật như một bữa dỗ dúi, một đám cưới chạy tang. Trong nhà đầy tử khí. Hình như có người chết nằm đâu đây, và người ta đang nghĩ đến sự đem chôn. Tuy vậy, các cô cũng vui lòng ở lại với Quì, tự hứa hôm sau sẽ vui cười với bạn phù dể.

Mới mờ mờ sáng, hai chiếc xe hơi họ nhà trai đã đến trước cửa, Bà Mậu xuống xe vào trước, rồi đến ông Mậu, trịnh trọng trong chiếc áo gấm, tiếp đến mấy người đứng tuổi. Mấy tiếng pháo rời rạc, như ngượng nghịu vì nổ không đúng chỗ, không phải lúc. Có cái pháo lại nghẹn không muốn nổ. Các cô phù dâu chưng hửng nhìn nhau. Họ đã vào hết, các cô còn ngó qua mành, mong có ai đến thêm nữa, các cô ngạc nhiên và thất vọng, lạnh lùng nhìn cử hành hôn lễ, chẳng buồn để ý đến Quì đã bắt đầu khóc. Lúc dâu đi, các cô thoái thác ở lại. Cũng không ai gặng mời, vì xe chật, và bạn của các cô, cô Quì, thì đã như người mất hồn. Trừ một cô bạn rất thân, cơ chừng đã hiểu được chút gì, đi theo cô Quì. Quì nước mắt lã chã, hai hàm răng cắn môi dưới đến chảy máu, bước ra xe.

Hàng phố đã biết rõ cái đám cưới ấy. Những lời bình phẩm, bàn tán lan ra rất mau. Có những miệng lưỡi độc ác dựng đứng ra nhiều chuyện lạ. Chuyện được người ta tin nhất là: cô Quì, những lúc lên chơi với anh chị, đã phải lòng ông phán Mậu. Họ nhớ lại việc cô Nga ngày xưa, cho rằng hai chị em cùng lẳng lơ như nhau, cùng chung một ruộc. Họ bảo rằng Quì đã có mang với người anh rể. Bụng cô đã lớn, nên ít lâu nay không dám ra ngoài. Bà mẹ vội vàng thu xếp, gán ngay vào cho êm chuyện. Một người láng giềng cả quyết rằng một đêm có nghe thấy bà mẹ mắng con gái: « Đã rê riếu chưa, hử, đồ voi giầy! Thế mà có người hỏi còn làm cao mãi, bây giờ vác cái bụng ấy ra đường, cho người ta bôi gio chát trấu vào mặt tao! Đã sung sướng chưa, con với cái! »

Có người phàn nàn cho bà Mậu đã quá tin em. Có người chê bà nhu nhược, để em cướp chồng. Rồi đây còn lắm chuyện lôi thôi trong cái gia đình ấy. Một vài người già bảo rằng nguyên nhân việc cưới xin đó là tiền tài.

Những tiếng đó dần dần đến tai bà Mậu. Bà đã về ở với mẹ, mỗi lần bà ra phố, thường bị người ta chỉ trỏ, thì thào. Ban đầu, bà Mậu không để ý. Bà không cần dư luận, bà đang sung sướng vì đã thành công. Nhưng sau, [illegible] ta nói mãi, bà cũng thấy chướng tai, khó [illegible] tức tối.

Bà lẩm bẩm:

« Con Quì rồi phải về mà nghe những tiếng này! »

(còn nữa)

HẾT PHẦN THỨ NHẤT

...Phổ-thông mà không làm giảm giá...

Đó là báo THANH-NGHỊ.

Người Bắc ở Nam-kỳ

của T. K.

Saigon, Juillet 1941

Người trong Nam đối với người Bắc

Tôi còn nhớ một cô bạn tôi lấy chồng người trong Nam một hôm nhắc lại với tôi lời giới thiệu của bà mẹ chồng với những quyến-thuộc : « Nó người Bắc, chứ không phải người Annam mình ».

Câu đó tả hết cái tâm-lý của quần - chúng trong này đối với dân Bắc, coi đồng bào như những người ngoại-quốc.

Tôi sẽ ngờ lời người bạn gái đó là đúng nếu chính tôi, hiện ngụ tại một làng Nam kỳ, đã không được hân hạnh dân trong làng hỏi sặn đón ; « Ở nước thầy có trồng cau không ? »

Đó là tất cả một vấn-đề giáo-dục quần-chúng mà ta có bổn phận phải giải quyết.

Cố nhiên đó không phải là tâm-lý của lớp trí thức. Dù có những sự chia rẽ về phương-diện pháp-luật, chính-trị, và phong tục đi nữa, dân tộc Việt-Nam nhờ có lớp này vẫn cảm thấy sự thống-nhất của mình.

Nhưng riêng quần-chúng thì vừa không biết rõ người Bắc, vừa không ưa người Bắc. Họ không phân biệt người Bắc-kỳ và người Trung-kỳ ; bất cứ người nào ở vùng nào ngoài ta vào làm ăn đây đều bị liệt là dân Bắc. Họ còn tặng cho người Bắc cái huy hiệu chẳng hay là « dân cọc cạch » Nguyên những kẻ vào làm ăn trước tiên ở đây là những bọn trở nước mắm ngoài Phan-thiết vào bán. Bọn này nghiện thuốc lào ; muốn khỏi tốn tiền diêm, họ mang theo mấy hòn đá lửa rồi đi đâu trong túi họ cũng cọc cạch những hòn đá đó. Lâu dần, người trong Nam giao thiệp với họ lấy hai tiếng ấy ra mà gọi họ và cũng là để chế diễu. Rồi, những người tới sau đều được « thừa hưởng » huy hiệu quý hóa đó.

Ai cũng biết đường xe lửa suốt Hanoi Saigon mới hoàn thành từ năm 1935 và cũng từ năm ấy nhân sự giao th[illegible]n lợi nên người Bắc mới đổ vào đây càn[illegible]càng đông. Còn về trước, số người Bắc th[illegible]ấ ít ỏi, mà phần đông lại là những người thiếu học, buôn thúng bán mẹt hay đi phu, có người đã lạm dụng sự thực thà tin cẩn của đồng bào ở đây. Thế rồi, hàng ngày tiếp sui với thiểu số không hay đó, người trong này cứ yên trí là tất cả dân Bắc đều như vậy. Vì thế mà hai bên ít có cảm tình với nhau. Cho đến nỗi ta phải nhận rằng người Nam-kỳ còn ưa khách trú hơn đồng bào Bắc, thân mật với khách trú hơn là với đồng bào Bắc. Không biết rồi đây tình thế ấy có thay đổi chăng, nhưng thực là một trạng thái xã-hội quái gở lợi cho sự kinh-doanh của người Tàu.

Sự hoạt động về kinh-tế của người Bắc

Một ông bạn-mình hương đã thú thực với tôi rằng : « Người Bắc các ông có đủ những đức tính của dân Trung-hoa sang đây làm ăn, các ông đều chăm chỉ chịu cực và tần tiện. Nhờ có những đức tính ấy mà trong sự cạnh tranh buôn bán hàng ngày, các ông đã thành những địch thủ lợi hại cho chúng tôi. Sự làm ăn của chúng tôi tất nhiên càng ngày phải càng khó khăn. »

Sự đó không phải là ngoa. Người Bắc không kèn không trống đã lần lần dành phần buôn bán với khách trú một cách kịch liệt. Người ta đã kể với tôi rằng trước đây chừng hai mươi năm, tại Saigon các tiệm trong chợ và chung quanh chợ đều thuộc về tay khách trú, đến nay thì nhan nhản những tiệm người Bắc.

Tuy nhiên, ta phải nhận rằng :

1· những quyền lợi lớn của người Tàu vẫn chưa hề bị lay động. Người Bắc vào đây thường chỉ buôn những đồ Bắc và làm những công cuộc thương-mại nhỏ. Nên những vấn đề gạo, heo... tại đây vẫn là những vấn đề hoàn toàn khách-trú.

2· tại Lục-tỉnh, trong chốn thôn quê, không có một tiệm nào của người Bắc, dù chỉ là một tiệm tạp hóa. Trái lại, chỗ nào cũng có những tiệm của khách trú. Sự đó rất quan hệ vì những tiệm nhỏ đó là những trung gian cần thiết và đắc lực giữa những nhà buôn lớn hoặc những nhà xuất sản và dân chúng.

Dù sao, tưởng cũng phải một thời kỳ khá lâu người Bắc mới nhảy lên cái địa vị quan trọng trong nền kinh-tế Nam kỳ. Vì dù ở đâu cũng vậy người mình vẫn chưa đủ tư cách chủ trương những công cuộc thương mại lớn. Phải chăng đấy là một sự thiếu thốn di truyền của dân tộc Việt-nam. Mong rằng thời gian sẽ đưa lại cho ta những sự kinh-nghiệm về thương-mại và nhất là sự đoàn kết nó là nền móng cho sự kinh doanh ở đây của người mình. T. K.

Kỳ sau :

SỰ KINH DOANH
của khách-trú tại Nam kỳ I

ĐỌC QUA

BÁO CHÍ TRONG NGOÀI

của DUY-TÂM

CUỘC chiến-tranh bên Âu - châu đã trải qua nhiều thời - kỳ quyết - liệt, nhưng có một việc quan - trọng người ta vẫn đợi tới nay vẫn chưa sảy ra, là sự quân Đức tấn công sang quần-đảo Anh. Các nhà chuyên môn, các cơ-quan dư-luận đã nhiều lần phỏng - đoán xem cách tấn-công đó sẽ như thế nào và cần những điều - kiện gì.

Theo ý W. L. White *trong báo* The Atlantic Monthly *(Hoa-kỳ, mai 1941) thì trước khi đổ - bộ sang Anh, Đức cần phải đánh cho tan hết những cơ - quan phòng - thủ trên đất Anh, phải làm cho những pháo-đài Anh yên - lặng, những đoàn phi-cơ khu-trục Anh phải bỏ trận hay bị hủy-hoại trên các trường bay. Kết quả « hồi » đầu ấy ra sao do ở sức không-quân của đôi bên :*

« Vậy hiện nay không-quân Đức hơn chừng nào? Tuy rằng đã bị bom Đức tàn - phá trong mùa đông năm vừa qua, Anh cũng còn sản xuất ít nhất là 1500 phi-cơ mỗi tháng. Vào số ấy phải thêm sức sản xuất của Mỹ, sức sản xuất đó có thể rất to trong mùa xuân vừa qua và trong mùa hạ này, tuy rằng cuối mùa đông năm ngoái Mỹ chỉ chế được mỗi tháng ngót 200 may bay... Bây giờ ta lại xét đến lực-lượng Đức. Tuy các nhà đương - chức nói rằng Đức sản xuất sấp sỉ tới 5000 máy bay mỗi tháng, những nhà quan-sát trung - lập ở Berlin nhận rằng những xưởng máy Đức nhà sản xuất được mỗi tháng từ 2500 đến 3000 máy bay thôi. Nếu ta lấy số cao nhất chắc chỉ trong hai số đó mà so với số sản xuất hàng thang của Anh 1500 thì ta thấy Đức có thể dùng hai chiếc đánh một, như thế thì họ được ngang sức trên đất Anh nhưng không được hơn hẳn.

Vì Anh đánh ngay trên đất mình mà Đức thì phải tự xa lại. Nhưng nếu, trong mùa đông vừa qua, Đức đã sản-xuất mỗi tháng 5000 chiếc máy bay thì Đức có cơ — nhưng cũng chưa chắc — đánh tan được không-quân Anh và làm xong được hồi thứ nhất và thứ nhì trong cuộc tổng công kích.

Nhưng, vẫn theo ý W. L. White, sau hồi đánh nhau trên mặt bể Manche ; về phương - diện đó thì Anh vẫn hơn Đức, vì có thủy-quân mạnh hơn.

KIEM DUYỆT BỎ MỘT TRANG RƯỠI

Về chuyện một chiếc va-ly mới

(Tiếp theo trang 25)

À thế ra ngày hôm nay 15-5-41 — là ba ngày của con trẻ và lại luôn là ngày lễ đại tường của thi sĩ Tản Đà. Vào kỳ giỗ hết Tản Đà, giới trí thức ở đây có làm một lễ kỷ niệm long trọng.

Tôi biết thế nào tôi cũng phải về Thanh để chia với nhà tôi cái buồn bỏ trẻ. Trẻ, chắc thể nào cũng được chôn cất hẳn hoi rồi. Những việc cần kíp như thế, thường ít khi người nhà tội chờ đợi tôi. Biết tôi ở đâu mà tin cho kịp và tin đó có tới được tôi thì biết bao giờ tôi về mà chờ với đợi. Ở nhà tôi, thân nhân đã quen thuộc hẳn với sự sống không thường của tôi đã từ lâu rồi.

Vậy thì sớm chày, thế nào tôi cũng về Thanh, không phải để còn được nhìn mặt trẻ, không phải để phải lo liệu làm ma cho đứa trẻ tội nghiệp mà chỉ để là ra mả nó vầy lên trên nấm đất mới kia một ít giọt nước mắt khi chậm một chút.

Sự tỏ dấu tiếc thương lỡ đã muộn rồi, thôi thì cho nó chậm luôn một thể. Mai tôi hãy về. Và đêm nay tôi hãy đi dự lễ kỷ niệm một nhà thi sĩ đã. Đối với cái ngày tử này, lòng tôi có lẽ còn nặng hơn việc tử kia.

Vào lúc nhá nhem, ngồi ở nhà thủy tạ ven hồ Kiếm, chếnh choáng hơi rượu sầu nhớ, tôi thấy những bản đàn cổ điển của ban âm nhạc quốc tế kia cũng làm khuây cho tôi được mấy tí. Hương [illegible]ng tôi lem nhem, lúc nhóm lúc tắt the[illegible]ột gió hồ. Tiết trời năm nay lạ thật. Cuối tháng tư mà gió chiều lại gây gấy lạnh như gió vàng ngày thu.

(kỳ sau đăng hết)

MẤY NHỜI CẢM TẠ

Chúng tôi nhận được cuốn Diễn từ của Thống-chế Pétain của phòng báo chí phủ Thống-sứ gửi tặng. Xin trân trọng cảm tạ cái nhã ý của ông huyện Lê Tài-Trường, chủ sự phòng báo chí.

Thế giới

TRONG THÁNG VỪA QUA

của V. H.

31 juillet 1941

Ở ÂU-CHÂU

Việc đình-chiến ở Syrie

Sau một tháng cầm cự rất oanh liệt, đại tướng Dentz thống lĩnh quân đội Pháp ở Syrie đã được lệnh của chính phủ Vichy cho phép xin đình chiến.

Quân đôi bên đã thôi đánh nhau bắt đầu từ 12 juillet.

Hợp ước đình chiến đại để có những khoản như sau này :

1·) Quân đội Anh chiếm cứ các miền ở Syrie và Lyban — quân đội Pháp sẽ tập trung ở những nơi do một ủy ban có đại biểu của đôi bên định rõ và vẫn ở dưới quyền các tướng lĩnh Pháp cho đến khi trở về nước.

2·) Quân đội Pháp được giữ toàn vẹn danh dự.

3·) Những tù binh người Anh sẽ được thả ngay, cả những tù binh đã mang về Pháp — những tù binh người Pháp sẽ được thả khi tất cả các miền đã có quân Anh chiếm cứ và tất cả các điều khoản trong hợp ước đình chiến đã hoàn toàn thi hành.

4·) Các quan chức to người Pháp đều ở lại làm việc cho đến khi có người thay. Các công sở đều làm việc như thường. Tất cả những trường bay, những máy bay, những xưởng đóng tầu, những cửa bể, những khí cụ để thông tin tức như điện thoại, vô tuyến điện... sẽ giao lại cho các nhà quân sự chiếm đóng.

Cuộc chiến tranh Nga-Đức

Sau tuần lễ đầu, quân Nga bị bại khắp mặt trận. Thống chế Nga Timotchenko tưởng quân Đức tiến đánh ở Ukraine, đ[illegible] trung hết cả quân đội ở miền nam Pinsk trò [illegible]hống chế Đức Keitel công phá ở phía bắc Pi[illegible] trong địa hạt Russie Blanche—Quân Đức đại thắng trong miền Bialystock-Minsk. Ở miền đông đất Phổ (Prusse orientale) những cuộc công kích của Nga đều bị diệt — Không quân Đức hoành hành trên địa phận Nga ở khắp mặt trận.

Đến ngày 6 Juillet 1941 (cuối tuần lễ thứ hai) quân đội Nga tháo lui về chiến lũy Staline, chạy từ Mer Noire đến vịnh Finlande — Số thiệt hại về phía Nga như sau này : 6.000 chiến xa, 2.500 súng đại bác, 20.000 súng liên thanh, 5.000 máy bay bị hủy, 500.000 quân bị chết, 160.000 quân bị bắt.

Những tiền-quân cơ giới hóa của Đức đã tiến cách Léningrad và Moscou 300 cây số. Người ta thấy quân Nga khó lòng tập trung lại được để khởi thế công.

Staline đã cảnh cáo dân chúng để dùng sức kháng chiến của quốc dân và sự phá hoại nhiều hơn là dùng binh lực.

Hiệp lực với Đức, quân Phần-lan đã tiến vào địa phận Nga ở miền bắc, các nước Hung, Ý, Tây-ban-Nha Lỗ, Croatice, Slovaquie cũng tham dự chiến tranh. tất cả 80 sư đoàn với 17.000 quân, không kể những đội chiến xa và cơ giới hóa. Cuộc chiến tranh Nga-Đức đã thành cuộc xung đột của hầu hết các nước Âu châu trống với chủ nghĩa cộng sản.

Trong tuần lễ thứ ba, đại đội quân Đức công phá kịch liệt chiến lũy Staline, cố ý chọc thủng chiến lũy ở khoảng giữa, còn hữu dực và tả dực thì tiến đánh Léningrad và Odessa.

Quân Nga thiệt hại : một triệu người chết và bị bắt, 7.500 chiến xa, 6.200 máy bay bị hủy, 4.500 súng đại bác, 30.000 súng liên thanh bị mất.

Sức kháng chiến của Nga cũng rất mãnh liệt. Những nông dân ở các miền Bessarabie, Bukovine, và Ukraine đã được lệnh phá hủy hết mùa màng trước khi quân địch tới.

Tuy vậy quân Đức vẫn tiến hăng và đã chọc thủng chiến lũy Staline ở vài chỗ. Ở phía bắc, đã tới Nowgorod cách Léningrad chừng 150 cây số, ở khoảng giữa, đã chiếm Vitebsk. Quân Phần-lan cũng tiến thêm được ở phía bắc hồ Ladoga.

Về cuối tuần lễ thứ tư (24 juillet) tình hình các mặt trận như sau này ;

1·) ở phía bắc, quân Đức và Phần-lan đã tới Léningrad — Quân Nga vẫn hết sức chống nhưng chắc cũng không được bao lâu.

2·) ở phía nam Kiev đã bị vây kín, tình thế nguy ngập.

3·) quân Nga tháo lui từ Smolensk về Moscou — quân Đức đuổi gấp để vây.

4·) ở Ukraine, quân Đức, Lỗ, Hung vẫn tiến và đuổi gấp quân Nga.

Không quân Đức hoạt động kịch liệt, tàn phá vô kể, làm cho các đạo quân Nga hình như đã mất

liên tạc với bộ tổng-tư-lệnh. Số thiệt hại về bên Nga tới 1.500 000 người.

Trong lúc tháo lui, quân Nga phá hủy hết mọi thứ: rừng, làgg mạc, mùa màng, đường đi, xe hỏa, để lại một bãi hoang khi quân Đức tới.

Trong đêm 22 juillet, không quân Đức đánh phá Moscou, rội bom xuống kinh thành Nga, phá hại nhiều chỗ.

Trong tuần lễ thứ năm, quân Đức vẫn đuổi đánh quân Nga. Quân Phần-lan tấn công ở phía bắc hồ Ladoga. diệt một sư đoàn Nga, và đánh lui quân Nga ở phía tây hồ Hangoe.

Ở trên hồ Peipous, quân Nga đã phải xuống tầu chạy trốn nhưng máy bay Đức đánh đắm được những tầu này, các quân ở trên tầu đều bị chết.

Ở Ukraine, quân Nga bỏ chạy tán loạn, và đốt hết mùa màng trước khi quân Đức đến chiếm — Quân Đức ném bom kịch liệt xuống Odessa.

Ở Bessarabie, qnân Đức đã xuyên thủng chiến lũy Staline và chiếm được 21 pháo đài.

Theo những tin ở Berlin, Kiev và Léningrad sắp thất thủ nay mai — Quân Nga bị quân Đức vây ở 60 chỗ — Nhiều tướng Nga đã bị Staline đem ra xử trước tòa án binh về tội hèn nhát và làm nản lòng quân đội. Có tin Litvinov, nguyên ngoại-tướng Nga sang Mỹ. Nhưng ta tự hỏi Mỹ có thể giúp Nga được những gì?

Đến ngày 29 juillet, thống-chế Timotchenko mới lấy rất nhiều quân ở Moscou để phản công ở Smolensk, cố phá vòng vây cho các quân Nga bị vây ở phía tây Smolensk, nhưng không phá nổi — Quân Đức chưa tiến thêm về phía Moscou, nhưng vẫn giữ nguyên các chỗ đang đóng và phá hủy được 20 chuyến xe lửa, 1. 00 toa, 100 camions của Nga trên con đường xe lửa từ Smolensk điMoscou.

Quân Đức có lẽ sẽ đặt một phòng tiến ở đất Nga để ngăn hẳn không cho quân Nga tràn lại phía Âu châu nữa.

Smolensk đã thất thủ chưa? — Hiện khi báo lên khuôn, chưa nhận được tin gì đích xác.

Có tin quân Anh sẽ đòi nước Ba-tư (Iran) cho quân Anh đi qua để sang Caucase cứu quân Nga.

Ở VIỄN-ĐÔNG

. . . . . .

Không lúc nào như lúc này thế giới phải quan tâm đến những việc sẩy ra ở Viễn - Đông, Tình thế bỗng trở nên găng.

Những nước có những quyền - lợi phải bảo vệ ở cõi đất này — Mỹ, Anh, Nhật — đang hoạt-động rất dữ về mặt ngoại - giao cũng như mặt binh bị.

Anh sửa sang cách phòng thủ ở Singapore và phải sang đó ông Duff Cooper tổng trưởng bộ Thông - tin. Mỹ đưa thêm quân sang Phi-luật-Tân.

Nhật phải cần đến Nam-dương quần-đảo để có những nguyên liệu. Cuộc điều - đình đã thất bại. Nam-dương quần-đảo về phe Anh Mỹ không chịu cho Nhật bản hưởng một quyền lợi đặc biệt gì về kinh tế.

Trước thái-độ ấy của Mỹ, Nhật muốn dùng một chính sách cương quyết.

Nội-các Cận-Vệ từ chức (15 Juillet) nhường cho một nội-các mạnh hơn để đối phó với thời cục.

Hoàng thân Cận vệ lại được cử để lập nội các mới, trong đó có nhiều đại - tướng và thủy quân đô-đốc. Đô đốc Toyoda thay ngoại-tướng Matsuoka ở bộ ngoại-giao.

Hôm 22 Juillet, trong một buổi hội - nghị báo giới Thống lĩnh Roosevelt tuyên bố rằng nước Nhật vừa đặt việc kiểm - soát các đài vô tuyến điện và nói rõ đó là một việc đáng quan ngại. Người ta lại báo tin rằng không một người ngoại-quốc nào có thể đi Thượng Hải sang Nhật được.

Bản hiệp-định binh bị giữa Nhật và Đông - Dương

Gây quyền thế ở các miền Nam-hải là một vấn đề sống hay chết đối với Nhật.

Hôm 24 Juillet Đại-sứ Nhật ở Vichy đã yêu cầu chính phủ Pháp để cho Nhật nhiều sự dễ dãi về binh bị như việc đóng quân và dùng trường bay ở miền nam Đông-dương Chính-phủ Pháp đã ưng thuận và chính-phủ Nhật đã cam đoan long trọng sẽ tôn trọng lĩnh thổ của Đông-dương và chủ quyền của nước Pháp. Sau khi đã thỏa thuận về nguyên tắc, ở Hanoi đã mở cuộc điều đình giữa quan toàn-quyền Decoux và tướng Sumita.

Tin đó làm sôi nổi các giới chính-trị ở Mỹ và ở Anh, ông Roosevelt phản kháng kịch liệt . . . . . ra lệnh tịch thu tiền của Nhật gửi. Chính-phủ Anh cũng ra lệnh tịch thu của cải của Nhật ở khắp đế-quốc Anh. Nhật cũng tịch thu của cải của Mỹ. Chính-phủ Nam-dương quần-đảo ra lệnh cấm hết mọi việc giao-dịch về tiền Nhật. Dư luận tại Nhật và Mỹ càng ng thêm lo ngại cho thời-cục.

Hiệp ước về việc phòng thủ Đông-dương sẽ thi-hành một cách triệt-để. Hôm 28 Juillet một số quân Nhật cùng chiến-cụ đã đổ bộ ở Nha-trang và bắt đầu từ 30 Juillet quân Nhật đổ bộ ở Nam-kỳ và dùng các trường bay ở Nha-trang, Tourane, Biên-hòa, Saigon, Sóc-trang, Kompong Trach, Pnom Penh và Siemréap.

V. H.

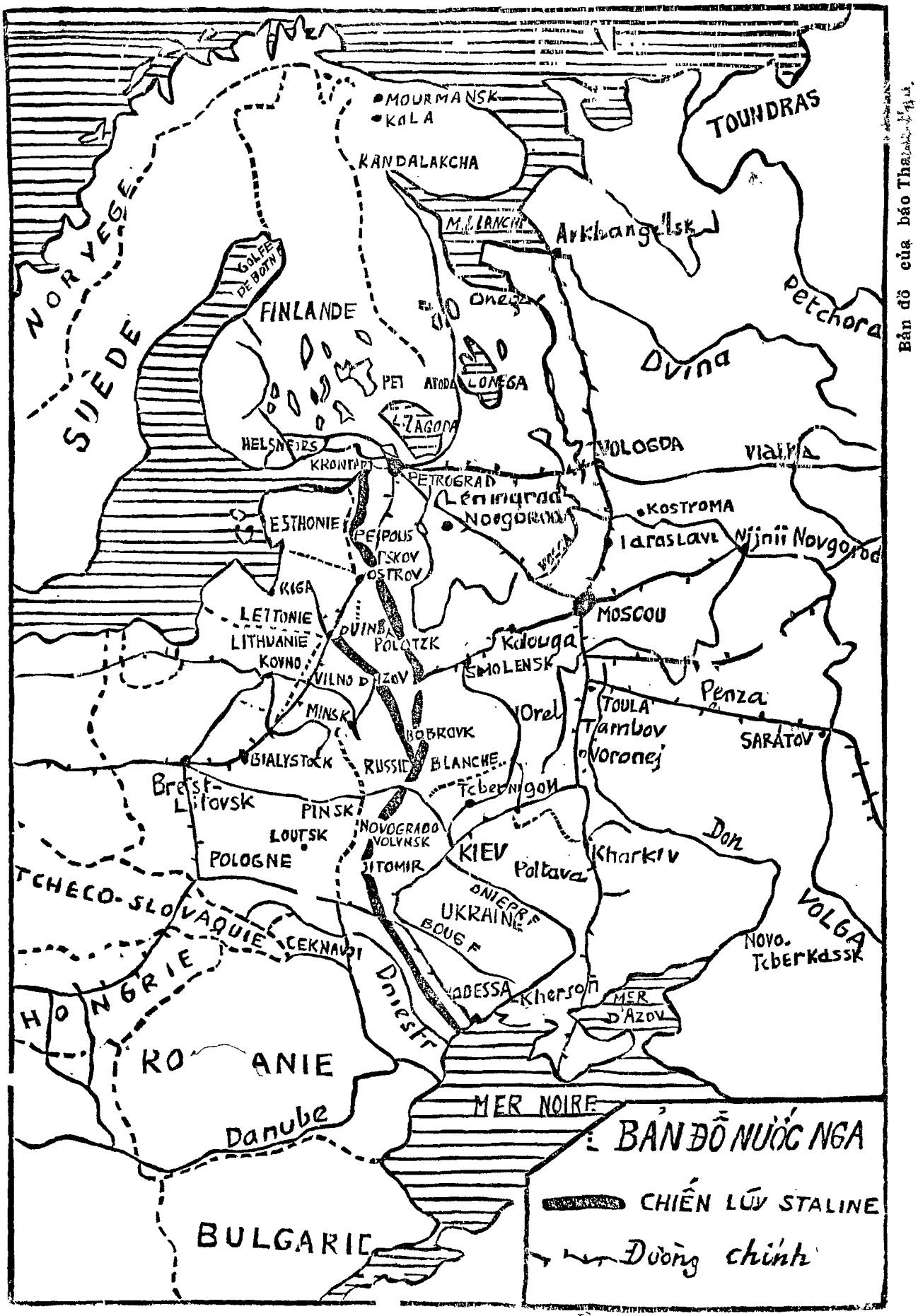

Bản đồ của báo Thanh Nghị

eur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE Fondateur : Doãn-Kế-Thiện Imprimerie spéciale du Thanh Nghị